

MỘT NỀN GIÁO-DỤC BỊ LUNG LAY: GIÁO-DỤC VÌ HỌC - THUẬT VÀ KHOA TRAU DỒI TRÍ-THỨC

VŨ ĐÌNH-HÒE

VỚI phong-trào Phục-Hưng Văn-hóa vào hồi thế-kỷ thứ 16, ở Âu-Châu, giáo-dục đã thoát-ly cái khuôn khổ chật hẹp của giáo-khoa thời Trung-cổ nó áp bức tinh-thần dưới quyền độc-đoán của Giáo-Hội và kiểm-tòa trí-não trong những thuyết bất di-dịch mà những chiến-công đầu tiên của khoa-học đã chứng thực sự sai lầm (1).

Đề giải phóng tinh-thần, người ta xây dựng một nền giáo-dục chủ ở sự mở mang hết thảy những bản-năng thiên-nhiên của trí não, cốt gây cho cá-nhân một tài-sản học-vấn phong phú và một óc phán-đoán tự do, rộng rãi và xác thực.

Lý-do của khoa giáo-dục đó là phụng sự HỌC-THUẬT (la culture).

Mục-dịch của nó là rèn cặp cá-nhân thành bậc *Tri-giả*, học-vấn uyên-thâm và trí nghĩ sâu sắc.

Phương-pháp của nó là TRAU DỒI TRÍ-THỨC, bằng cả cái gia sản học-vấn cổ kim của loài người (Humanités classiques et modernes).

Cái học căn-bản của nó là khoa *Phổ-thông trí-thức* (la culture générale).

Chương trình của nó, ngoài trí-dục gồm cả đức-dục và thể dục, nhưng *trí dục chiếm phần ưu-thế*; đức-dục và thể-dục chỉ thêm vào để luyện cho cá-nhân một học-vấn điều hòa và đầy đủ.

Tính cách của nền giáo-dục vì học-thuật là *tự do, gốc ở nhân-bản và chủ ở LÝ-TRÍ* (un enseignement libéral, humaniste et intellectuel).

Khoa giáo-dục chủ ở lý-trí tự trung cũng có điều hay.

Trước hết nó đã mạnh bạo chống với lối dạy ngu muội của Giáo-Hội, dội ánh sáng khoa-học vào khoảng u minh của Trung-Cổ và làm phát triển tự do tất cả những bản năng của cá-nhân.

Khoa giáo-dục vì học-thuật tự nêu một mục-dịch cao thượng: đứng trên hẳn địa hạt

thực-tế nó tương tự như Nghệ-thuật vì nghệ-thuật; tự nó là cứu cánh của nó, một công cuộc có giá-trị tuyệt đối dù để người ta ham mê và theo đuổi trong suốt đời.

Người « học-thức » kim thời là giòng dõi phải « thượng - lưu » (le gentilhomme) của Montaigne (1) phải « người hòa-nhã » (l'honnête homme) của thế-kỷ thứ 17: họ học nhiều hiểu rộng, lịch-sự trong ngôn-ngữ và cử-chỉ, xét đoán già dặn, biết mình và biết người. Họ không vụ lợi trong sự học. Không bao giờ nghĩ đến việc dùng học-vấn để mưu sinh. Họ chỉ có một sở thích là hiết thêm đề ngâm cho thỏa chí những cảnh tượng mới trong thế-giới học-vấn. Người « học-thức », theo giòng của một nhà thi-sĩ, có một linh-hồn ruợng động, như một tiếng vang ròn rã. với điệu nhạc ca của vạn vật. Họ như một tấm gương phản chiếu tất cả những phát triển lớn lao của tài-năng nhân-loại về văn-chương, nghệ-thuật, khoa-học, tư-tưởng, tất cả những việc những cảnh làm nền tảng cho cuộc sinh hoạt và văn minh của thời họ.

Sau hết cái hay của nền học « phổ thông trí thức » là gây cho cá-nhân những « ý-tưởng bao quát » (des idées générales) rất lợi cho sự hoạt động nhất là trong những công việc điều-khiển và tổ-chức. Người có học-vấn phổ-thông không bị bó hẹp trong những ý-niệm riêng của một khoa chuyên-môn, trong những tập quán riêng của một nghề, một hoàn cảnh. óc họ không bị thiên lệch vì những thói quen của

một lối sống. Lại nhờ ở một trí óc mềm mại, mà họ có thể tùy thời tùy chỗ mà biến hóa để thích-nghi hành-động với sự thực.

Song cái hay của nền « giáo-dục vì học-thuật » không đủ làm thăng bằng những cái dở rất lớn của nó.

Trước hết nó không hợp với thời đại này nữa. Khi nhân loại vừa ra khỏi những ngõ hẻm tối tăm của thời Trung Cổ, thì một lối giáo-dục chủ ở việc trau dồi trí-thức mới có nghĩa-lý. Khi khoa-học mới nhóm dậy, người ta đang say mê về những chiến-công rực rỡ của óc tìm tòi, thì việc tôn sùng học-thuật là một lẽ tự-nhiên. Nhưng ở thế-kỷ này mà học-thuật đã lan rộng, vô lượng vô biên, mênh mông như biển cả thì một con thuyền, dẫu chèo giỏi đến đâu, trong khoảnh khắc một đời người, cũng không thể đi được khắp mọi nơi, để khách du-lịch được ngắm xem đủ phong cảnh. Lối giáo-dục « phổ thông học-thức » nếu không là một lối « nhồi sọ » vô ý thức thì chỉ có kết quả là gây cho cá-nhân một học-vấn rất sơ lược về sự vật, nó chỉ là cái lần men hào nháng bề ngoài.

Và lại cuộc phiếm du trong bề học đó chẳng có ích gì cho sự hoạt động, ở một thế-kỷ mà sự tiến bộ về kỹ-thuật bắt buộc người ta phải am hiểu tường tận một khoa mới mong hoạt động có kết quả.

Ở thời đại nào thì khoa « phổ thông học-thức » cũng không thể dùng làm nền học căn-bản cho quần-chúng, lẽ thứ nhất vì đối với họ vấn đề sinh-kế bắt buộc phải học sớm một

nghề, lẽ thứ hai vì cái học phổ thông không đến nơi đến chốn — mà đối với quần chúng thì tất nhiên không thể đến nơi đến chốn được — chỉ làm hoang mang và bại hoại tinh-thần.

Khoa giáo-dục đó chỉ có thể áp dụng cho bọn người có đủ tài-lực để theo được cái học phổ-thông đến một trình độ khả quan và đủ tài lực tự cung cấp về vật chất để phụng-sự học-thuật. Nếu nửa đường phải « soay ngang » để lăn-lộn trong cuộc đời, thì họ chỉ là bọn người lịch-thiệp, văn-minh, xã-giao khéo, nói chuyện giỏi vì về khoa nào cũng hiểu biết đôi chút, nhưng đến hoạt động thì mơ hồ, lúng túng, không tháo vát, không quán xuyên nổi công việc, thiếu chịu đựng, thiếu gan góc.

Cho dẫu đủ tài lực để theo đuổi học vấn đến một trình độ rất cao, trừ một vài người kỳ tài đã thoát ly ra ngoài khuôn khổ học-thuật vì học-thuật, bọn trí-thức này cũng không phải là những người hoạt động, trong địa hạt vật-chất cũng như trong địa-hạt tinh-thần. Họ là bọn « học-phiệt », những bông hoa rực rỡ nhưng là những bông hoa giấy để tô điểm bàn thờ... không liên lạc và ích lợi gì cho cuộc đời và cho nhân loại, cho cả nền học-thuật mà họ phụng-sự vì giúp ích cho học-thuật cũng cần phải hoạt động (hoạt động về tinh thần) một năng lực mà nền giáo dục kia đã không rèn luyện cho họ

Thực ra khoa « giáo dục vì học-thuật » làm thỏa mãn một nhu-cần của trí-óc loài người: lòng ham muốn hiểu biết. Vì thế nó được tôn sùng trong bao nhiêu thế-kỷ.

Nhưng mục-dịch giáo-dục có phải ở đấy không?

Đến đây ta đã xét sâu vào nguồn gốc của khoa giáo-dục chủ ở lý-trí.

Cái quan-niệm về giáo-dục của khoa sư-phạm đó là một sự nhầm lẫn vô cùng lớn lao, nó chi phối tất cả những cái dở đã nói ở trên.

Khoa giáo-dục chủ ở lý-trí đã tự cho một mục-dịch cao thượng; Học-thuật vì Học-thuật. Thật là một sự vô-lý, một sự vô-lý dễ cám dỗ người ta vì cái nghĩa « đẹp » của nó. Có thể có một nền học-thuật vì học-thuật (cho những

(Xem tiếp trang sau)

(1) Nhà thiên văn học Galilée xuất bị thiếu sống vì đã quá quyết rằng quả đất tròn và xoay quanh mặt trời!

(1) Một nhà hiền-triết Pháp ở thời Phục-Hưng.

người ham thích sự đẹp, vì sự đẹp!) Nhưng xây dựng một nền giáo-dục trên quan niệm đó thì thật là một sự phi lý.

Mục-dịch của giáo-dục có phải chỉ để làm thỏa mãn óc ham biết của loài người? Học-vấn eo phải là những đồ giải-khát mỹ vị, phẩm nhưng cần cho khách thừa lương?

Hay là chức vụ thiêng liêng của giáo dục là phải *đào-luyện cá-nhân để « Sống » trong đời một cách có lợi cho mình và cho Đoàn-thể*? Hay là học vấn phải là những thức ăn bổ dưỡng tinh-thần để gìn giữ lửa sống, gây sức mạnh tâm hồn và giúp sự hoạt-động?

Những người chủ trương thuyết Giáo-dục vì học-thuật sẽ giả nhời rằng: tuy khoa giáo-dục đó không rèn luyện sức hoạt-động của cá-nhân nhưng cũng giúp vào sự hoạt-động một cách gián tiếp. Vì mục đích của nó là mở mang trí-thức và rèn óc phán đoán:

— Chỉ phán đoán càng sâu sắc thì hành-động càng phải lỗi.

— học vấn càng rộng thì phán đoán càng đúng nhé.

Hai mệnh-đề ấy nghe rất thuận tai nhưng... sai sự thực. Ta đã có dịp nhận xét rằng nhân-loại không mấy khi hành động theo trí nghĩ. Không phải hễ cứ trông thấy cái hay, mà làm được cái hay, xét thấy sự dở mà tránh được sự dở. Nguyên-động-lực chi-phối những hành động không phải là lý-trí mà là những ham muốn, những dục-vọng cao thượng và dè hạ hữu giác và tiềm-thức (1). Trong xã-hội thiếu gì những kẻ trí lự mình mẫn, phán đoán sâu sắc, học-thức uyên-thâm mà không hoạt động,

(1) Xem bài « cái tạo tinh thần » trong T. N. số 11.

Tin buồn

Chúng tôi được tin Ông Nguyễn tường-Lân tức Thạch-Lam làm báo và nhân viên trong tự Lực-văn-Đoàn, đã mệnh chung ngày 27 Juin 1942 tại nhà riêng ở làng Yên-Phụ (Hà-đông) Với cái tang đau đớn này, báo giới và văn giới nước nhà thiệt mất một kiện-trưởng lỗi lạc và tài hoa. Chúng tôi chân thành và cảm động kính viếng hương hồn bạn Nguyễn-tường-Lân và chia buồn với tang gia cùng với các bạn trong Tự-Lực-văn-Đoàn, nhà xuất bản Đời Nay và nhà in Ngày Nay.

Thanh-Nghị — Trẻ Em.

hoặc hoạt động tẩn mẩn, hoặc hoạt động sa lầy, hoặc hoạt động tà tất, hoặc hoạt động vô-ý-lhức!

Nền « Giáo-dục vì Học-thuật » nếu giữ được nguyên vẹn bản chất thì tựu trung còn có chỗ hay tuy xây trên một quan-niệm phi-lý. Nhưng — hại thay! — nó lại cứ biến thể dần — mà tất nhiên là thế — và tới thế-kỷ này thì đi sai hẳn đường, để thành một sự NHẦM LỖI càng lớn lao.

Nó chuyên về lý-trí một cách vô độ. Đức-dục bị hi-sinh hẳn. Điều lo xa của Montaigne: « Học-vấn không đi với đạo đức chỉ gây sự bại hoại cho tâm hồn » đã thành sự thực.

Về việc mở mang trí-thức, vì gia-sản học-vấn của nhân-loại ngày càng to rộng, khoa giáo-dục chủ ở lý trí bỏ hẳn việc rèn óc phán đoán mà thành *một khoa « nhồi sọ » điển cuồng.*

Trong gia-sản học-vấn của nhân loại *Khoa-học bành trướng rất mạnh*, nền giáo dục chủ về lý-trí bị nó xâm lấn, chỉ để cho những môn học nhân bản một địa hạt mỗi ngày một nhỏ hẹp.

Cái gốc nhân bản bị suy-vi, giáo-dục mất liên lạc với cuộc đời *nó thành một khoa hoàn toàn lý-thuyết: một nền học hư-vấn.*

Giáo-dục đã không bồi bổ tâm-hồn nên chỉ là một cái thang danh-vọng: *một nền học « khoa-cử ».* Nguyên vọng duy nhất của kẻ đi học là giật được mảnh bằng để chiếm một địa-vị trong xã-hội.

Cái quan-niệm sai lạc của nền « giáo-dục vì học-thuật » những điều dở gây bởi quan-niệm đó, những biến-thể nguy-hiểm và do lẽ tất nhiên vì tính cách của nó, đã gây một cái họa lớn cho Cá-nhân và Đoàn-thể:

Cái HỌA TRÍ-THỨC.

Cả một dân-tộc bị suy nhược vì nó. Cả một chế-độ chính-trị và xã-hội bị lung lay vì nó.

Xây lại nền giáo-dục là một vấn đề tồn vong của Dân-tộc đó. Những cải cách nửa chừng chỉ càng làm nặng nề và nguy kịch thêm một cái lâu dài đang rình chờ vì nền móng đã mục nát!

VŨ ĐÌNH HÒE

KỶ SAU: Những nền móng của một cuộc xây dựng về giáo-dục. — Giáo - dục vì Nhân - sinh và khoa rèn đức Tính-khí.

DÔNG-dương là một xứ phần nhiều chỉ có các nhà tiểu nông. Trừ Nam-kỳ là nơi dân cư thưa và có những bãi biển bồi lớn, nên có ít nhiều đại điền chủ, còn các xứ khác trong cõi Đông-dương thì đại đa số là các nhà tiểu nông, có không đầy 5 mẫu ruộng để cấy cấy. Nhất là ở Bắc kỳ, tính cách ấy lại càng rõ rệt. Theo bản thống kê của ông Yves Henry, thì 90% số điền chủ ở Bắc - kỳ là những người chỉ có dưới 5 mẫu ta ; số điền chủ có từ 5 mẫu đến 10 mẫu là 6, 25% ; số điền chủ có từ 10 mẫu đến 50 mẫu chỉ là 2,15%.. Còn những người có trên 100 mẫu thì trung bình cứ 10 000 người mới được 2 người (1).

Vì số ruộng quá ít ỏi, nên mỗi năm cứ đến thời kỳ « giáp hạt » (tức là thời kỳ mà thóc cũ đã ăn hết và bán hết mà thóc mới thì chưa chín), phần đông các điền chủ lại một phen điêu đứng.

Có bao nhiêu thóc gặt được mùa năm vừa qua đã bán hết cả rồi, vì nào ăn, nào đóng thuế đóng sưu, nào công cấy công cấy, nào tiền bón, nhất nhất đều trông vào thóc cả. Nhất là trong mùa cấy họ không thể làm được tiểu công nghệ gì khác để kiếm lợi thêm. Thiếu thốn, họ phải đi vay, lãi nặng mấy họ cũng phải chịu, hay bán lúa non, rẻ mấy cũng phải bán. Mà những khoản thiếu của họ có thể giảm được đâu, vì họ thiếu thóc để ăn, họ thiếu những cái tối cần cho ruộng của họ.

Họ trông đợi mùa gặt đến. Nhưng gặt về, họ phải bán thóc ngay để trang trải các món nợ. Họ sợ « lâu ngày đầy kén », vì cái « kén » của họ không mấy chốc sẽ thành cái kén khổng lồ với số tiền lãi đồng niên 200% hay 250%.

Vì phần đông các điền chủ cùng ở vào cảnh đó nên thường năm cứ đến thời kỳ « giáp hạt » là giá thóc gạo cao vọt lên : Các tiểu điền chủ thì đã hết thóc từ bao giờ, mà các điền chủ phong lưu thì kìm giữ thóc lại, chỉ bán rẻ rất thôi. Vì vậy mà những người nghèo khác bị khốn khó lây. Họ ăn gạo đong, lại ít tiền, nên nhiều khi cơ cực.

Trái lại, đến kỳ gặt thì giá thóc gạo lại hạ hẳn. Đó là lẽ tự nhiên của luật cung cầu : nhiều người xô nhau bán, ít người mua thì hàng phải rẻ. Các nhà tiểu nông thực đã thiệt đơn thiệt kép. Đã khốn khó, họ lại khốn khó hơn.

Chính vì muốn đem một phương pháp có hiệu quả để giúp các nhà tiểu nông và cả các nhà tiểu

công nghệ tranh khỏi trường hợp khổ khấn đo, nên ba năm trước đây, các làng trong địa hạt Bắc-kỳ được phép lập một kho thóc nghĩa-xương. Làng nào muốn lập kho thóc nghĩa-xương sẽ theo mẫu của chính-phủ phát cho, thay đổi một vài tiểu tiết cho hợp với trường hợp từng làng, rồi lập thành một quyền điều lệ đề lên quan Tổng-đốc và Công-sứ duyệt y và cho thi hành.

Nghĩa Xương

NGUYỄN NGỌC-MINH

I. Những đặc-điểm của «nghĩa xương»

1 — Vay, giả bằng thóc

Khác hẳn với quỹ cho vay khác, quỹ Nghĩa Xương không cho vay tiền mà chỉ cho vay thóc. Vì Nghĩa-Xương là kho thóc do làng trích một số tiền công ra đong rồi để cho vay. Trong quyền điều lệ

mẫu có một khoản rất cần : Nếu vì lẽ gì thóc không cho vay hết thì hội-đồng phải bán đi mà lập biên bản ký tại công quỹ của làng khi nào sắp đến vụ cho vay lại lập biên bản lấy tiền ra đong thóc...

Vậy đặc điểm thứ nhất của Nghĩa-Xương là hết sức tránh sự cho vay bằng tiền. Hội-đồng được phép bán thóc khi không cho vay hết, là sợ để lâu thóc sẽ hao hụt, có thể thiệt hại. Nhưng đến vụ cho vay, hội-đồng lại lấy số tiền ra đong thóc rồi lấy thóc đó mà cho vay.

Làm như vậy là có ý muốn giúp thẳng những nhà tiểu nông và những người nghèo. Vì phần nhiều họ chỉ thiếu thóc ăn. Nay nếu cho họ vay thóc tức là giúp thẳng ngay sự nhu cần của họ. Nếu cho họ vay tiền, họ vẫn có thể bị bọn giàu có đầu cơ lợi dụng, họ vẫn phải đong thóc ăn bằng một giá rất cao. Hoặc nếu nhà có đủ thóc ăn nhưng thiếu tiền nộp thuế hay thiếu tiền để chi vào những khoản tối cần trong việc cấy cấy, vay thóc Nghĩa-Xương họ vẫn được nhiều lợi. Họ sẽ đem bán lại thóc đó và họ chắc chắn là bán được bằng một giá khá cao vì, như trên đã nói, bao giờ về thời kỳ « giáp hạt », giá thóc cũng cao hẳn. Các nhà tiểu nông nhờ vậy sẽ đỡ khốn khó.

Đến lúc giả, họ lại giả bằng thóc : một lợi khác cho họ. Vì giá thóc lúc họ giả là lúc gặt xong thóc nhiều, nếu hạ hơn, mà họ vẫn chỉ phải giả một số nhất định là bao nhiêu thùng đó thôi. Nếu tính theo số tiền vay, họ sẽ bán nhiều thóc hơn mới đủ giả nợ.

2 — Kỳ hạn cho vay, và kỳ hạn giã

Đặc điểm thứ hai của Nghĩa-Xương là cho vay vào thời kỳ « giáp hạt » (tháng hai hay tháng ba ta; hoặc tháng tám hay tháng chín ta) là lúc người ta đang cần thóc, mà lại cho giã vào lúc vừa gặt hái xong (tháng 5, tháng 6, hay tháng 10, tháng 11) là lúc thóc lúa nhiều, rất tiện cho việc giã nợ. Như vậy thì sự cho vay mới đạt thẳng được mục đích của nó. Nếu cho vay vào bất cứ thời kỳ nào thì số thóc cho vay sẽ bị đem cung đốn vào các việc phụ, hoặc ma chay, cưới xin v. v., hoặc vào các khoản xa phí. Cho vay sẽ lã cái hại lớn cho nhà tiểu nông. Vì các khoản thu không thấy đời, mà các khoản chi sẽ có nhiều dịp tốt mà tăng bội lên. Quỹ gia đình sẽ càng ngày càng thấy thiếu thốn.

Nếu cho giã lúc nào cũng được, thì người vay sẽ lần lữa, rồi đến lúc muốn giã thì đã không có cách mà giã nữa. Như vậy vừa nguy hiểm cho người vay, vừa thiệt thòi cho quỹ Nghĩa-Xương. Nguy hiểm cho người vay vì số nợ kia đang lẽ họ có thể giã xong, nhưng vì lần lữa được nên họ không cho là cần, đến lúc đã tiêu phí phạm hoặc tiêu vào các việc phụ quá tay rồi, họ không giã được nữa, họ sẽ có thể bị truy tố, ruộng của họ sẽ có thể bị tịch biên. Thiệt thòi cho quỹ Nghĩa-Xương là sẽ mất nhiều phí tổn để đòi lại món nợ.

3 — Nhẹ lãi

Đã muốn tránh cho các nhà tiểu nông khỏi phải vay cáo quạt, lãi mấy cũng ừ, hay khỏi phải bán lúa non thiệt thòi quá, quỹ Nghĩa-Xương cần phải cho vay thật nhẹ lãi. Tiền lãi định là 20% đồng niên. So với số tiền lãi không lỗ 250% hay 300% mà họ thường phải chịu, hay so với lối vay thóc nhất bội nhị vay 50 thùng thóc lúc giã phải giã thành 100 thùng), thì quỹ Nghĩa-Xương thực là một vị cứu tinh. Thực ra số tiền lãi Nghĩa-Xương định, nhẹ hơn thế nhiều, nếu ta tính cả giá thóc lúc họ vay và giá thóc lúc họ giã. Lúc vay, giá thóc cao, lúc giã giá thóc hạ mà người vay vẫn chỉ phải giã một số thóc nhất định. Thí dụ họ phải giã 5 tạ. Nếu tính giá lúc vay mỗi tạ 18p. thì 5 tạ giá 18p. $\times 5 = 90p.$ Lúc giã, thóc hạ, mỗi tạ chỉ giã có 13p, thóc ấy sẽ chỉ đáng giá $13 \times 5 = 65p.$, các nhà tiểu nông vay thóc Nghĩa-Xương sẽ được lợi thêm $90p. - 65p. = 25p.$ Vậy thực ra số lãi không tới 20%, mà kém nhiều.

Nhưng nếu ta xét tới mục đích cốt yếu của quỹ Nghĩa-Xương, thì số lãi nhẹ này rất dễ hiểu.

4 — Các điều kiện để vay thóc Nghĩa-Xương

Đơn vay thóc phải gửi cho Hội-đồng Nghĩa-Xương gồm có Chánh-Hội, Phó-hội, Thư-ký và

Thủ-quỹ, có sổ sách rất phân minh. Đơn sẽ làm theo như kiểu mẫu Nghĩa-Xương có sẵn.

A) Muốn vay Nghĩa-Xương, phải là người sinh quán trú quán ở làng, vì phạm vi quỹ Nghĩa-Xương à chỉ giúp những người làng. Một lẽ nữa là hội-đồng sẽ xét đơn dễ dàng hơn vì ở ngay trong làng nên hội-đồng sẽ biết người vay nào thực là người cần phải giúp. Như vậy thì Nghĩa-Xương mới có ý nghĩa.

B) Phải thế chấp ruộng và giá thóc cho vay không quá một phần giá ruộng cầm, như đã định ở trong điều lệ. Vì mục đích Nghĩa-Xương là để giúp tạm những người có nghề nghiệp trong một thời kỳ khó khăn, chứ nếu giúp cho những người không có hy vọng giã được, thì quỹ Nghĩa-Xương dù có hàng ức hàng triệu cũng không đủ.

Tuy vậy, cũng có một vài khoản để cho sự vay đó được dễ dàng. Nếu người muốn vay không có ruộng đất để thế chấp, họ có thể mượn một người có ruộng đất bảo lãnh cho. Hoặc nếu người vay chỉ là người được hưởng một phần công điền, họ có thể đem một phần công điền thế chấp quyền hưởng lợi phần ruộng của họ.

Hội-đồng sẽ ước lượng giá cả ruộng đất cầm cho Nghĩa-Xương.

C) Đơn vay hội-đồng sẽ xét trong một kỳ hạn rất ngắn. Thường thường 7, 8 hôm, nhiều lắm là nửa tháng. Vì phần đông các người vay đó chỉ cần vay để ăn tiêu trong một hai tháng khó khăn. Nếu để lâu, họ sẽ bắt buộc phải vay chỗ khác dù nặng lãi gấp mấy. Quỹ Nghĩa-Xương sẽ không đạt được mục-đích.

Nếu thi hành một cách chu đáo, thì Nghĩa-Xương có ích vô cùng cho những nhà tiểu nông. Đặt ra Nghĩa-Xương người ta đã thấu rõ tình cảnh của họ và đã hiểu những sự nhu cần của họ, trong thời kỳ lúa ngoài đồng chưa chín mà trong nhà đã hết thóc ăn. Một vài làng ở các tỉnh to Bắc-kỳ đã thực hành phương pháp này. Nhưng có nhiều trở ngại cần phải tìm cách ngăn ngừa thì mới mong phương pháp đó có kết quả tốt đẹp.

II. Những cản trở, khiến Nghĩa-Xương không có kết quả toàn mỹ.

1.) Lòng tư lợi của một vài người đàn anh.

Thường thường, có một người đàn anh thấy vay thóc Nghĩa-Xương quá nhẹ lãi, muốn lợi dụng cơ hội tốt. Chính họ không cần vay, nhưng họ cũng làm đơn vay rồi sẽ lấy thóc đó cho vay lại, lấy

lãi nặng hơn. Thành ra « nước vẫn chảy vào chỗ chũng », những người nghèo cần vay vẫn không được giúp đỡ.

Có khi họ lại cố tìm cách chỉ để anh em con cháu nhà họ vay thôi. Những người khác muốn vay phải vay lại của họ và vẫn phải chịu lãi nặng.

Có khi họ lợi dụng sự cần của người muốn vay. Họ sẽ can thiệp để người này được vay, nhưng họ sẽ « xẻo xén » ít nhiều. Vì thế phần thiệt vẫn người nghèo phải chịu.

2.) Lý-dịch sách nhiều.

Trong tình cảnh người đi vay, lý dịch sách nhiều rất dễ, nếu họ không có chút lương tâm. Muốn vay phải thế chấp ruộng đất, phải lấy triện lý tưởng, chường bạ, mà lấy được triện các ông này có phải chuyện dễ đâu. Phi « chè là », là không xong.

Các ruộng đất đem thế, chấp lại phải do hội-đồng Nghĩa-Xương lược giá cả. Hội-đồng sẽ có toàn quyền ước cao ước hạ. Thí dụ điều lệ Nghĩa-Xương định số thóc vay không được quá giá 1/4 giá ruộng đất thế chấp. Nếu không được ít lợi riêng, hội-đồng sẽ ước hạ xuống một chút, thế là giá ruộng đất cầm sẽ không đủ để bảo đảm số thóc vay. Vì vậy mà người muốn vay thóc bắt buộc phải « ở vừa lòng » các ông trong hội.

3.) Người muốn vay sợ phiền lụy.

Vì có nhiều sự phiền lụy như thế nên nhiều người đành vay chỗ khác họ đã đo đắn, vay thóc Nghĩa-Xương mà khó khăn như vậy, họ vẫn không được lợi hơn chút nào. Cứ theo như điều lệ, họ sẽ chỉ phải chịu lãi 20%. nhưng ngoài ra họ phải tốn kém bao nhiêu, cái con số 20.l. hoàn toàn là giả dối.

Cũng có khi người trong dân không hiểu Nghĩa-Xương là gì, không hiểu cách vay mượn thế nào. Chỉ một nhóm kỳ hào được giấy quan rồi nhỏ to lập quỹ Nghĩa-Xương, giữ kín quyền điều lệ không ban bố cho dân trong làng được biết. Rồi họ tư túi chia nhau mỗi người giữ một ít thóc hay một ít tiền, để chi tiêu việc riêng hay để sinh lợi. Rồi cứ mỗi khi trình sổ, họ trình gọn lớn-không có ai vay cả. Thực ra họ hết sức bưng bít để cho không có người vay, vì như vậy họ mới được lợi.

4.) Bán thóc đi rồi cho vay bằng tiền, bắt giá bằng tiền,

Có một vài làng không hiểu mục đích Nghĩa-Xương thấy cho vay tiền tiện lợi hơn, họ liền bán thóc đi rồi lấy tiền cho vay. Trong sổ họ vẫn biên là vay thóc, nhưng sự biên chác đó không đúng với sự thực. Họ nghĩ rằng cách cho vay bằng tiền

sẽ có lợi cho quỹ Nghĩa-Xương vì không sợ hao hụt, mà hội đồng lại không phải đong đi đong lại tổn công. Nhất là quỹ Nghĩa-Xương lại không thiệt thòi vì giá thóc hạ lúc giả. Làm như vậy thật trái với mục đích Nghĩa-Xương. Đặt ra Nghĩa-Xương có phải là muốn làm giàu cho quỹ Nghĩa-Xương đâu? Mục đích Nghĩa-Xương là cốt giúp các nhà tiểu nông trong thời kỳ khó khăn phải đi vay nặng lãi chỗ khác, tức là muốn khuyến khích và trấn hưng nghề nông ở xứ ta. Người ta sợ dĩ nghĩ cách cho người vay được nhiều điều lợi khi vay thóc Nghĩa-Xương, chính là vì những lẽ đó.



Nói tóm lại thì mục đích quỹ Nghĩa-Xương rất hay, đáng đề cho ta tán thưởng. Quỹ Nghĩa-Xương càng lan rộng ra các làng thì các nhà tiểu nông và tiểu công nghệ càng đỡ khổn khổ, dân nước sẽ vì vậy mà phong phú hơn lên.

Nhưng điều cần thiết, có lẽ cần hơn cả mục đích hay, là cách thi hành. Theo ý chúng tôi thì muốn tới một kết quả mỹ mãn phải dùng hai phương pháp sau này :

1.) Giảng giải và truyền bá cho nhiều người hiểu mục đích Nghĩa-Xương, từ lý dịch cho đến dân đình trong làng. Quyền điều lệ phải luôn luôn niêm yết tại sở hội đồng hay tại đình.

Lý dịch cần phải hều mục đích Nghĩa Xương để bớt những sự sách nhiễu. Dân đình cần phải hiểu cách tổ chức quỹ Nghĩa-Xương để biết cách vny mượn cho được dễ dàng.

2.) Các quan trên và nhất là các quan sở tại nên luôn luôn lưu tâm đến cách thi hành, tra xét các sổ sách hoặc về tận làng khám xét công việc của hội-đồng Nghĩa-Xương, và nên nghiêm trị những người đã vì tư lợi mà làm sai lạc mục đích kho thóc Nghĩa Xương.

Thi hành không được chu đáo thì mục đích hay cũng hóa ra dở.

NGUYỄN NGỌC-MINH

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỔ SỐ

Đông - du'ng

Luật thuê nhà

THEO SẮC LỆNH

TRONG số Thanh - Nghị tháng Avril 1942, chúng tôi báo trước sắp có một đạo sắc-lệnh mới về Luật thuê nhà.

Sắc lệnh ấy đã ra ngày 13 Mai 1942, do nghị định Toàn-quyền ngày 24 Mai 1942 ban bố. Cùng một ngày 13 Mai 1942, bên Pháp cho ra một đạo sắc-lệnh thứ hai nói về việc yết bảng và khai báo các nhà cho thuê bỏ trống. Sắc-lệnh ấy cũng do nghị-định 24 Mai 1942 ban bố. Cả hai đều đang trong Đông-Dương Qan-Báo, số thứ tư 27 Mai 1942, trang từ 1540 đến 1543.

Bài này sẽ chia ra làm hai phần, mỗi phần, nói về một sắc-lệnh.

PHẦN THỨ NHẤT

Sắc-lệnh thứ nhất ngày 13 Mai 1942 nói về quyền lợi người thuê và chủ nhà.

Sắc-lệnh chia làm 5 mục :

1.) Mục thứ nhất nói về giá tiền thuê nhà. Điều thứ nhất nói rõ là sắc-lệnh thi-hành cho các nhà thuê để ở (*locaux d'habitation*) hoặc thuê để làm một công nghệ gì (*locaux à usage professionnel*). Nhà thuê để mở cửa hàng hoặc để chứa hàng (*locaux commercants*) có thể gọi là thuê để làm một công nghệ không? Vì buôn bán tức là một nghệ nghiệp nhà nước công nhận.

Ta phải trả lời rằng không vì theo danh từ luật học, thì chữ *profession, professionnel* khác nghĩa với các chữ *commerce, commercant*.

Profession nếu dịch là nghề nghiệp hay công nghệ thì không hết nghĩa; vì nó có cái ý là nghề nghiệp cần đến tài riêng của người ta, khác với buôn-bán chỉ sự đổi chác hàng hóa và tiền bạc. Ví dụ một ông thầy thuốc, hay một ông thầy kiện, hay một giáo sư không thể liệt vào hạng nhà buôn được, vì nghề nghiệp của họ cần phải một cái căn bản học tập, có bằng cấp làm đảm bảo. Vậy nhà thuê để mở sở thầy kiện, nhà thương, hoặc nhà trường tất nhiên được sắc-lệnh che chở. Nhà thuê để lập xưởng may cũng liệt vào hạng ấy.

Những nhà thuê để mở một hiệu thợ giầy, thợ mộc, thợ may, thì để vào hạng nào? Cái đó tùy theo người thợ giầy, thợ mộc, thợ may ấy được Tòa cho vào hạng buôn bán (*commerçants*) hay tiểu công nghệ (*artisans*). Theo lập án tòa Thượng-thẩm, thì căn cứ vào việc có cửa hàng. Người có cửa hàng, trả môn bài tức là buôn bán; trái lại nhà tiểu công nghệ không có cửa hàng.

Xong thế nào, các nhà buôn cũng sẽ xin vào chữ « *usage professionnel* » để xin hưởng quyền lợi sắc-lệnh. Các bạn nên chờ một vài bản án Tòa Sơ-Thẩm hoặc Thượng-thẩm Hà Nội hoặc Saigon về cuộc thi-hành sắc-lệnh 13-5-1941. Bao giờ có một bản án nào, Thanh-Nghị sẽ báo ngay cho các bạn biết.

Giá các nhà cho thuê để ở, hoặc để làm một công nghệ gì, nếu làm trước 1-1-1938 thì không được tăng quá 20% giá nhà ngày ấy. Nếu làm sau 1-1-1938, thì không được tăng quá 25% giá một chiếc nhà tương tự cho thuê ngày 1-1-1938.

Đối với các nhà nghỉ mát ở núi hoặc ở bể (quan Toàn-Quyền sẽ ra nghị định sau để nói rõ sắc-lệnh sẽ thi-hành nơi nghỉ mát này, giá thuê nhà sẽ căn cứ vào giá cho thuê mùa nực 1938. Nghĩa là làm trước mùa nực 1938, thì không được tăng quá 20% giá mùa nực 1938; nếu làm sau; không được quá 25% giá một chiếc nhà nghỉ mát tương tự, cho thuê vụ nực 1938.

Việc tăng giá kể trên không có nghĩa là sắc-lệnh mới cho quyền chủ nhà tăng giá hiện thời cho tới giới hạn đã định; chỉ có nghĩa là nếu tiền nhà hiện thời tăng quá giới hạn phải rút đi mà thôi.

Tiền trả quá giới hạn đã định người thuê nhà phải đòi lại, bắt đầu tự ngày sắc-lệnh đăng ở Quan Báo. Có thể đòi như thế trong thời hạn năm năm.

Nhà nước đã định giá nhà, thì hợp ước của chủ nhà với người thuê nếu quá giá đó, sẽ coi như là vô giá trị. Nếu chủ nhà dùng mách khéo bắt người thuê trả thêm một cách gián tiếp, thì hợp đồng hai bên làm mới nhau sẽ bị hủy bỏ.

Chủ nhà đòi hoặc nhận quá giá Nhà nước ấn

NGÀY 13 MAI 1942

định sẽ phải phạt tiền ít nhất bằng số tiền lạm đòi hoặc lạm thu, nhưng không được gấp ba lần.

Nếu chủ nhà mánh khóe đòi hoặc thu lạm một cách gián tiếp, sẽ phải phạt tù từ 2 tháng đến 2 năm và bạc từ 16 quan đến 10 vạn quan.

2.) Mục thứ hai nói về quyền người thuê nhà được ở lại chỗ mình thuê.

Sẽ được ở lại cho đến 1 năm sau khi Nhà nước bá cáo chiến tranh kết liễu (hiện bây giờ, bên Pháp đình chiến, nghĩa là chiến tranh vẫn còn, chứ chưa phải vào thời kỳ hòa bình), mà không phải làm giấy má, hoặc kêu ca gì hết.

Trừ khi :

1.) Thuê nhiều nhà, thì chỉ được hưởng sắc-lệnh về nhà chính. Nhưng nếu thuê một cái nhà nữa để làm công nghệ hoặc để cho bố mẹ, con cháu, hoặc vợ hay chồng ở, thì cũng được hưởng sắc-lệnh về chiếc nhà thứ hai ấy.

2.) Là đầy tớ ở với chủ nhà.

3.) Là người thuê lại khi người thuê chính đi vắng.

4.) Cho thuê lại quá nửa nhà mình thuê trái với hợp đồng đã ký, mà không xin giấy chủ nhà cho phép.

5.) Là người ngoại quốc chưa từng đi lính cho nước Pháp. Nhưng là người dân các xứ nước Pháp bảo hộ thì được hưởng. Nếu bố là người ngoại quốc nhưng con đã được nhập tịch dân Pháp thì cũng được.

Người thuê nhà bất hạnh chết, thì vợ, chồng, hay con cháu xưa nay do người bất hạnh nuôi nấng và hiện lúc ấy ở trong nhà thuê, sẽ được hưởng sắc-lệnh.

3.) Mục thứ ba nói về quyền lấy lại nhà.

Nhà nước không chiếm hẳn quyền chủ nhà, nhưng bắt phải theo điều kiện ngặt để khỏi làm bậy. Muốn lấy lại nhà, phải báo trước 6 tháng, bằng giấy trưng tòa (exploit d'huissier) cũng được, nhưng không bắt buộc, nghĩa là có thể

dùng thơ đảm bảo thay vào.

Phải nói rõ vì cớ gì lấy lại nhà. Có hai cớ chính đáng :

1.) Làm lại nhà, lên một tầng gác hay chữa quan-trọng cần phải trục xuất người thuê ra.

2.) Lấy lại để mình ở, hoặc cho vợ hay chồng, con cháu hoặc bố mẹ, ông bà ở. Nhưng nếu chủ nhà hiện đã ở một chiếc nhà của mình thì không được xin cớ ấy. Người ngoại quốc chưa từng đi lính cho Pháp và không có quốc tịch Pháp cũng không được.

Muốn trừng phạt chủ nhà lạm quyền, sắc-lệnh nói rõ : nếu lấy lại theo cớ thứ nhất, thì phải khởi công ba tháng sau khi người ở thuê dọn đi

Nếu theo cớ thứ hai, thì lấy lại cho người nào, người ấy phải ở ít nhất là 1 năm và không được cho thuê lại, dù một phần nhà nếu không sẽ phải đền cho người thuê bị đuổi ít nhất là 1 năm tiền nhà.

4.) Mục thứ tư nói về cách thức nhờ tòa can thiệp về việc thi hành sắc lệnh

Cách thức ấy rất đơn dị, chỉ cần ra phòng Lục-sự khai, hoặc viết thơ đảm bảo cho ông Chánh Tòa-án chỗ gia-thờ tọa-lạc.

Quan Tòa sẽ bảo ông Lục-sự viết thơ đảm bảo gọi hai bên đến hòa giải.

Nếu hòa giải không được, hoặc một bên không đến, tòa sẽ xử trong buồng kín (Chambre du Conseil) không cần phải làm thêm giấy tờ gì nữa.

Ấn vắng mặt có thể kháng 15 ngày sau khi có thơ đảm-bảo của phòng Lục-sự hoặc giấy của trưởng tòa báo án.

Ấn có mặt, có thể chống án lên Thượng-thẩm như lệ thường.

Không thể xin phá án ở bên Pháp được, trừ trường hợp bị phạt tiền hay tù bởi tòa Trưng-trị. Nếu quan tòa không đủ thẩm quyền, hoặc lạm quyền, hoặc xử trái luật, có thể xin án trước tòa Thượng-thẩm Saigon theo điều thứ 17 sắc lệnh 19 Mai 1919.

(Xem tiếp trang 21

(Tiếp theo)

KHÔNG sẽ đem tư-tưởng bạo dạn của luân-lý tự-cường mà thế vào quan-niệm hèn yếu của tinh tự ai.

Triết-ly của Không là triết-ly tích-cực.

Một bộ sách nên viết là ảnh hưởng vật giới của thiên-nhien trong tư-tưởng các nhà tiên triết.

Kề cả các hiện-tượng trong giới đất thì hình như dòng-nước đã chiếm được một địa-vị đặc biệt trong sở thích của nhà đui triết-học Á-đông. Không thường nói : « Người khôn vì thích nằm dòng nước,... người khôn có tinh hoạt-động, người khôn tinh vui

vẻ... ». Một lần khác, trên một con sông, Không-tử nói : « Lưu chuyển như thế này ru? thâu ngày thâu đêm ». Một lần khác nữa, nghe cậu bé hát : « Nước sông Thương-Lương trong, ta dùng ta giặt giải mũ; nước sông Thương-Lương đục, ta dùng ta rửa chân ! » Phu-tử nói với học trò : « Các con nghe đấy: trong thời người ta dùng để giặt giải mũ; đục thời người ta rửa chân, thế là mình làm mình chịu, mình có tự khinh, thời mới bị người ta khinh rẻ ».

Trong hệ-thống tư-tưởng của Không-tử, giòng nước là tượng-trưng của trí-khôn, của nghị-lực, và cũng là biểu-hiệu lòng người, khi trong, khi đục.

Trong lúc Lão-tử muốn thủ tiêu hết dục-vọng của người về khắp mọi phương diện, thì Không cố công đào luyện đạo-đức, trí thức « Học như không kịp » « Học không biết chán... ».

Đặc tính của chân-lý là cần phải lan rộng. Lúc đã lĩnh hội được đạo lý, Không sẽ đem đạo mà truyền-thụ cho học trò. Trong bộ Luận-Ngữ, mỗi lúc Không nói đến nghề dạy, bao giờ lời nói phụ-từ cũng chan chứa những ý nghĩa say sưa của một nhà giáo tận tâm với nghề. Không đã nói rằng : « Dầu một người học trò nghèo chỉ lẽ thầy được năm nem, ta chưa hề bao giờ vì lẽ quá ít ỏi mà chối từ, không chịu dạy ». Số là nếu làm thầy mà chỉ lấy bổng lộc làm mục-đích duy nhất, thời tức là đem cái học-thức mình mà đánh giá một cách

ĐI A VI
KHÔNG
TỬ
TRONG
NHO - GIÁO
ĐẶNG THÁI-MAI

quá rẻ rúng.

Trong ba nghìn học trò theo học ở vườn Học, con nhà quyền quý nhiều, mà những người nghèo khổ, hèn hạ cũng không hiếm. Có kẻ mặc áo cừu, cưỡi ngựa tốt, cũng có người uống nước bầu, ăn cơm rỏ. Cũng có người thông minh đặc biệt như Nhan-Uyên, cũng có kẻ cực lỗ-độn như Tăng-Sâm. Tề ngã có tật ngủ trưa. Trọng do có tiếng bưng bình.

Bấy nhiêu đồ đệ của « cửa Thánh », không phải đều là ngoan-ngoãn như các ông th á n h - c o n ! Nhưng cái thú dạy học, chính là dùng sự giáo-dục mà làm cho « anh mù có thể

thấy, anh điếc có thể nghe, người ngu thành khôn, người lười hóa siêng ». Ta có thể tưởng tượng trong lúc trò Cụ Không đang cùng nhau chăm chú rũ đám bụi tận mấy pho sách để cố công tìm lấy một tia chân-lý mỏng manh, mà nếu Lão-Tử đi qua, nhìn thấy thì nhà triết-học vô-vi sẽ nhăn nhó và thở dài một cách chán nản đến dường nào !

Bấy nhiêu công-phu của học giả là cốt để thực-hiện chữ nhân.

Trong bộ Luận-Ngữ, Không đã nhiều lần giải-thích chữ « nhân » cho học trò nghe.

Giả lời cho Phàn-Trì, Phu-tử nói : « Nhân, là yêu người ». Và nói thêm : « Cư xử phải kính, làm việc phải cẩn-thận, đối đãi với người phải thực thà ».

Nói với Tư-mã-Ngưu : « Người nhân nói ra câu nói phải chắc-chắn ».

Với Trọng Cung : « Đi ra cửa kính cẩn như sắp tiếp một người khách quý, trị dân kính cẩn như là lo việc tế-tự lớn. Việc gì mình không thích, đừng làm cho người khác phải chịu ».

Nói với Tử cống : « Người nhân muốn tự-lập, đề giúp người khác cũng biết tự-lập, mình muốn thông suốt, đề làm cho người khác cũng thông suốt ».

Giả lời cho Nhan Uyên, người học trò giỏi nhất của Không, Phu-Tử nói : « Đề nén mình theo lệ là nhân ».

Lối giải thích, tùy tư cách từng người mà có khác. Nhưng đại khái thì « nhân » là một giáo chỉ phổ thông cho mọi người và căn bản ở lòng-người. Nhân là một phương pháp xử-kỷ và cũng là một thái-độ đối đãi với người. Đối với mình, phải hết sức dè dặt lòng mình theolê-phải đối người phải thực thà, phải lễ-mã, phải công-bình và phải biết bác ái.

Người ta thường đem chữ « nhân » của học-thuyết Khổng mà so sánh với quan-niệm bác ái trong chữ charité của đạo Gia-Tô. Và kết luận rằng : giáo chỉ của Khổng quá chú trọng đến thực hành, nên không có thể đạo-dẫn tinh-thần bác-ái của người ta tới con đường hi-sinh thuần-túy cao siêu của Gia-Tô. Nhưng không nên quên rằng : Khổng với Gia ở vào hai địa-vị, hai thời kỳ lịch sử khác hẳn nhau. Và lập trường của hai học-thuyết Khổng và Gia cũng khác hẳn.

Gia-tô là một vị giáo chủ. Khổng tử là một nhà học-giả, và cũng là một ông giáo-sư. Căn bản Gia-giáo là tấm lòng tin-ngưỡng tuyệt đối. Căn cứ Khổng học là lý-trí. Một mặt nữa, trong thời kỳ Gia-tô, dân-tộc Do-Thái còn rên rỉ dưới sự áp bức của cường-quyền. của dị-tộc, còn về đời Khổng thì dân tộc Ân cùng dân tộc Chu đã đi đến thời kỳ đồng-hóa.

Quan niệm bác-ái của Gia-tô căn cứ vào sự hi-sinh hoàn toàn của giáo-chủ, chính là một thái độ tiêu-cực để kháng mà cũng là một câu an-ủi cho cả một dân tộc nghèo khổ bị áp bức. Sự công bằng đã không có thể thực hiện trong cõi người, thì chỉ có thể tin vào lòng từ-bi của Chúa. Thất vọng trong đời này, thì chỉ hơn là trông mong vào hạnh phúc ngày sau ở chốn thiên-đường ; Trong lúc dân Do-thái cần phải tin ngưỡng, cần được an-ủi, cần có cái gương hi sinh thuần-túy thì giáo-chỉ của Gia tô không những là một lời cảnh cáo cho bọn quyền quý giàu sang mà cũng là một tia hi-vọng đẹp đẽ cho phái bị áp-bức.

Ở vào những trường hợp lịch-sử khác hẳn Khổng không phải là một nhà giáo chủ phải hiến thân cho chủ nghĩa không cần đề kháng với sự áp-bức. Vậy Khổng có thể nói với một bạng người « quân-tử » để dạy cho phái thượng-lưu cách trị dân. Khổng có thể căn cứ vào lý-trí mà thiết giáo. Phân lượng phản-động lực bao giờ cũng tương đương với áp lực.

Nghĩ cho kỹ, nếu bác ái là một quan niệm cao siêu, thì chữ « trực » chữ « công » trong học thuyết Khổng cũng là một nguyên tắc luân-lý rất có ích cho sự đề-cao nhân cách cá-nhân. Hễ người theo lẽ là lấy luật bình-đẳng mà cân nhắc phẩm giá mọi người.

Vả lại chữ « nhân » đạo Khổng cũng không hề bao giờ cự-tuyệt ý nghĩa hi sinh. Nếu cần thì một người nhân-nhân cũng phải biết liều chết mà làm việc-nghĩa. Khổng tử nói : « Người nhân-nhân, chi sĩ không bao giờ làm hại đạo nhân đề cầu sự sống. Có lúc phải liều mình để làm cho thành việc nhân ».

Nếu có một hệ thống tư-tưởng trên không nhìn đến cõi siêu việt của thiên đàng, dưới không có những tổ chức và kỷ luật của tôn-giáo mà vẫn có đủ sức bành trướng, và đã tiềm nhiệm sâu xa vào tinh thần người ta, thì họa chỉ có đạo Khổng là một. Căn cứ vào thực-nghiệm, vào lý-trí học thuyết họ Khổng vẫn có một lực-lượng xúc-động rất to tát. Quan niệm tự-cường của đạo Khổng đã giải quyết được một sự mâu-thuẫn rất phiền phức của tam-lý nhà nho trung-Quốc trong thời-đại Xuân-thu ?

VII

Một ngày kia, sau lúc đã đến tuổi già, sau khi đã đi khắp bảy mươi hai nước chư-hầu, mà không tài nào thi thố được sở-học, lúc bấy giờ Khổng sẽ cảm thấy những nỗi chán-nản vô-cùng. Cái chí lập « Đông-Chu » đành là một câu chuyện hão. Lòng tự tin ngày một tiêu-hao, Khổng sẽ thốt ra những lời than chua-chát. Khi Nhan-Uyên chết, Khổng than rằng : « Ôi ! giới làm chết ta ! Giới làm chết ta ! » Dân nước Lỗ sẵn được con kỳ lân Khổng ngậm ngùi nói : « Kỳ Lân ra mà lại bị chết, đạo ta đã đến hồi cùng rồi ! » (Người Tàu vẫn nhận kỳ-lân làm một giống linh-vật, và là triệu chứng thái-bình.) Một lần khác, Khổng sẽ phàn nàn : « Chim Phượng không giữ lại, sông Hà không thấy hiện hiện bức-đồ, có lẽ ta cũng chịu thôi ! » Lần khác nữa : « Khổ quá ! Ta đã già yếu rồi ! Đã lâu không hề chiêm bao thấy Chu Công » Mấy ngày trước lúc chết Khổng sẽ chống gậy ngồi ca : « Núi Thái-sơn sẽ sập ư ? Tòa đại-hạ rấp nát ư ?... »

Xem trong kinh truyện, khi ta đã nhận rõ lòng tự tin và bao nhiêu hoài-bão của nhà tiên-triết thì lúc đọc những câu than văn trên đây, tưởng cũng không thể không vì người xưa mà ngậm-ngùi, chua xót....

Sẵn một nhân-cách vĩ-đại như vậy, mà Khổng-tử vẫn không có thể cải tạo được xã-hội Xuân-thu là vì sau lúc đã cải tạo, nho-học vẫn không ăn sâu vào dân-chúng nước Tàu và không có những ảnh-hưởng sâu xa.

Sở là về mặt trí thức hồi bấy giờ dân-chúng nước Tàu còn chưa thoát khỏi phạm-vi mê-tín, mà tư-tưởng Khổng-tử thì đã đi đến quan-niệm tự-nhiên. Bảo-thủ là đặc tính xã hội làm nghề Nông. Đối với tâm lý đại-chúng, tư tưởng Khổng đã

vượt qua một quãng đường quá xa. Trong trí não của người : Giời là một ngôi thượng-đế có thể làm phúc làm-tội. Quỷ thần cũng là những đấng linh thiêng có thể phù hộ, hoặc hãm hại người. Vậy họ vẫn tin rằng : sùng bái tế lễ mới có thể tránh điều dữ, được điều lành. Vũ trụ quan của Không khác hẳn. Không nhận rằng : giời đất muôn vật đều lưu hạnh theo lẽ lối nhất định của lẽ tự-nhiên. « Giời có nói gì đâu ! Bốn mùa vẫn tiến-hành muôn vật vẫn sinh trưởng » Thiên mệnh là những sự vật tất-nhiên phải xảy ra không thể thay đổi, và cũng không làm đường bao giờ.

Vậy nên đối với những sự cầu may với giời, Không vẫn không hề tán thành. Lúc Không tử đầu Tử Lộ muốn cầu đảo : Không-tử nói : « Có tội với giời thì chớ cầu vào đâu được ! » đối với quỷ-thần Không chỉ tri rằng : « nên kính trọng nhưng nên xa hẳn. » Không ít khi nói đến.

Bấy nhiêu quan-niệm, căn bản ở học-thuyết thiên-nhiên đại-chúng nước Tàu hồi bấy giờ cố nhiên chưa có thể lĩnh-hội được.

Không tin ở thế lực quỷ-thần, và thượng-đế nhưng Không cùng đồ-đệ vẫn phải giữ, chức nghiệp của các thầy cúng ngày xưa. Vì thế nên thái độ của họ trong các lễ tang, tế, vẫn chỉ là lễ-văn bề ngoài. Họ chỉ bàn bạc về lễ-mạo cãi cọ nhau về nghi-tiết : phải đề tang ba năm, hay một năm, mũ tang phải theo kiểu này, khóc phải thế kia, chứ họ không hề bàn đến vấn đề siêu-vật có can hệ đến sự chết hoặc là bản-tính quỷ-thần mà họ vẫn lễ-bái... Họ làm thầy, là vì nghề nghiệp chứ không hề có tinh thần tôn-giáo.

Sách Luận ngữ chép rằng : thái độ Không-tử lúc tế thần là « hình như vẫn thấy thần ở ngay trước mặt » Nhưng cái thái độ « hình như » đó có không thể bỏ khuyết vào tinh-thần tín-ngưỡng được.

Phải chăng đấy chính là lý do đã làm cho không-giáo không có ảnh-hưởng sâu xa trong đám dân-chúng ? Phải chăng chỉ vì Không-tử chưa giải quyết xong sự mâu-thuẫn giữa nghệ-nghiệp trí thức của phái thượng-lưu và tinh thần tôn giáo của xã-hội Trung quốc trong thời Xuân-Thu ? —

Đ. T. M.

IN GẦN XONG

SẮP CÓ BÁN

XUÂN THU

NHÃ-TẬP

TƯ-TƯỞNG, VĂN-CHƯƠNG VÀ NGHỆ-THUẬT

TIÊN-PHONG

Mấy lời thanh-minh

Muốn cho « Xuân-thu Nhã-tập » là một quyển sách toàn-mỹ, nên việc ấn-loát rất công-phu và tinh-lẽ.

Vì vậy sách không ra đúng được tháng Mai 1942, như lời ước hẹn.

Cuối tháng Juin, công việc ấn loát sẽ hoàn thành và sách sẽ có bán vào khoảng đầu Juillet 1942.

Xin các bạn đọc vui lòng chờ thêm ít bữa, và thể tất cho.

Người xuất bản

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

ĐẠM TIÊN của Lê đình-Ngân, do nhà xuất bản Đông Phương, giá 0p.95.

BÚT NGHIÊN của Chu-Thiên, do nhà Hàn Thuyên xuất bản, giá 2p.00.

CHÂN TRỜI CŨ của Hồ Dzếnh, do nhà xuất bản Nguyễn Hà, giá 0p.80.

DANH NHÂN VIỆT-NAM của Phan trần-Chúc, do nhà xuất bản Tân Dân, giá 0p.70.

MỐI THÙ TRUYỀN NGHIỆP của B. H. P. do Hàn Thuyên xuất bản, giá 0p.50.

Bản đàn « QUYẾT CHÍ TU THÂN » loại hát chèo trong Việt-Nam Nhạc Phổ, do Nguyễn xuân-Khoát ghi chép, giá 0p.40.

Được tin hiệu sách Nguyễn khánh Đàm ở Saigon sẽ tổ chức từ 11 đến 18 Juillet 1942 một tuần lễ triển lãm những báo sách Việt-Nam xưa và nay. Đó cũng là một việc hay ngoài mục đích quảng cáo có tinh cách biểu diễn về trình độ văn-chương và báo chí.

Xin cảm tạ các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng độc giả.

TRUYÊN NGÂN

I

TRÊN con đường quan gồ ghề đá trắng, người đi chợ phủ làm từng đám hoạt động. Những bác nhà quê, cổ áo phanh rám đỏ, bước dài, hơi hắt đầu gối. Những người đàn bà gánh hàng chạy chạy từng bước nhỏ, một tay vung vẩy như làm dáng; họ không vội vàng, nhưng sao có dáng tất tả.

Một cái xe tay lạch cách vượt lên. Ba bốn người ngồi trên, có người phải vắt bộ đồ đen, gầy và gân guốc lên cái chần bùn. Bác xe cầm cổ kéo; vậy mà còn nghĩ chuyện chơi khoanh đọi gần sát một đám người bác bỗng quát lên; mấy chị con gái đang mãi chuyện vội nhảy ngang, mọi cái sang lẽ đường, điệu bộ rất xấu; qua cơn hốt hoảng, họ tit mắt cười với nhau; vài chị lên tiếng trách mắng, nhưng rồi lại trở lại ngay câu truyện giở. Khách xe văng lại sau chuỗi cười ha hả, dài và thõng khoái.

Lúc xe tới chỗ ngã ba gần chợ phủ một người đàn ông trong bọn khách nhảy xuống. Điềm đủ ô và quạt trong tay rồi, ông ta bước vào hàng quán cạnh đó.

— Mụ hàng đơn đả.

— Mời ông Lý vô đây. Bữa ni có thịt cày béo lắm.

Đó là một mụ già, giọng nói vạm vỡ hơi rè. Ông Lý đã ngồi trên chõng rồi, mụ không đợi bảo, rót đầy một bát rượu trắng, nút sơ bằng một nhúm lá chuối khô, đem tới đặt trên bàn, trước mặt người khách hàng quen. Mùi men tỏa thơm trong quán hẹp; mụ hít hít mà nói:

— Tôi có pha thêm «nổ (1) ta» vô đó.

«Nổ ta» tức là cái khoản rượu lậu.

Mụ lại bung tới một đĩa thịt cày, trông đen đen hơi bần; mùi riềng the mà gắt, đâm vào mũi. Mụ nói:

— Ông Lý nhắm đi. Con chó béo ngày, tôi mua chẵn mười quan đó, ông nhắm đi, uống rượu cho tỉnh người rồi mua bán cho tỉnh. À ông đi chợ làm chi đó?

— Tôi đi tậu con bò mụ nà.

Mụ già, hoạt bát, đưa đây câu chuyện. Mụ khen ông Lý giỏi làm ăn, tậu thêm được nhiều ruộng đất, đến đổi năm con bò và trâu không

B A C

BÙI HIỀN

làm việc xuề. Vừa nói, mụ vừa nhìn ông Lý, dõi theo từng gập và từng tọt rượu, hình như chia sẻ sự ngon lành của khách.

Mặt beo của ông Lý đỏ dần, làm cho đôi môi càng tái đi. Ông nói:

— Ấm bụng lạ. Rượu vô rồi thấy người mình như nở ra, như

to thêm. Mụ cho tôi cắt nữa.

Chợt ông nhìn ra ngoài đường mà kêu:

— Bác Xã! Bác Xã! Vô đây làm vài chén chơi.

Người bị gọi như vậy, đang đi vội vàng về phía chợ, dừng giật lại, rồi bước vào quán. Mụ hàng lanh lẹ lấy thêm rượu, đặt thêm một đôi đĩa, và một cái chén mà mụ đã thò ngón tay ngoáy cho bớt bần.

Bác Xã xoa hai tay vào nhau, nhìn chén rượu trắng lờ lờ và đĩa thịt chó, vẻ nắc nỏm.

Ông Lý gơ tay:

— Mời bác. Ta!

Chén thù chén tạc, hai người chuyện nở như ngô rang. Họ ngồi trông giáng điệu quen, một chân co lên trên chõng cho đầu gối gần ngang cổ. Họ nhai cách chậm rãi, sau vài ba hợp rượu lại đứng lại, hút điếu thuốc lào hoặc xỉa răng và mút chúp chíp. Bác Xã càng uống càng tái mặt, lại càng điềm đậm hơn, trong khi ông Lý, say mềm, nói bậy bạ huyền thiên, công kích người này người khác.

Trong nảo bị kích thích, ông hồi tưởng lại một mối hiềm cũ giữa ông và bác Xã. Câu chuyện xảy ra đã lâu lâu rồi, giữa hai chén rượu, nhân sự cạnh tranh về ngôi thứ ra sao đó, và mối hiềm đã kết thúc cũng giữa hai chén rượu. Thứ nước cay kỳ dị có phép hun nóng những cuộc xung đột mà cũng làm dịu mềm những sự hằn thù.

Vốn tính xung động, ông Lý thấy cái hồi ức trời dậy cách gay gắt; bụng ông cháy bừng, vì rượu, nhưng ông lầm tưởng đó là sự tức giận. Ông nghiêng ngả lại cuộc thù hằn, những thiệt hại đã chịu Ông bắt đầu nói bóng gió đến chuyện cũ.

Bác Xã thấy khó chịu. Bác đáp lại bằng những lời đo dãn, nhưng đích đáng,

Cuộc trao lời gay gắt dần, ông Lý to tiếng và thô tục hơn, bác Xã cay độc hơn. Ông Lý vừa nói vừa nhóm nhóm dậy như cách mnốn xông tới.

(1) Khoản.

B A C B A C B A C B A C B A C

Mụ quán bắt đầu lo ngại. Mụ nghĩ: « Rồi ai trả mình tiền rượu đây? » Một thằng bé vào đứng xem tay chấp sau lưng lam bụng thêm uồn. Vài ba người đi chợ, nghe tiếng cãi, ghé nhìn rồi bỏ đi.

Thốt nhiên ông Lý đứng dậy, nắm cái cút lia mạnh vào mặt kẻ địch. Bác Xã nghiêng mình tránh kịp. Cái cút đập vào cột tre, vỡ toang. Sau tiếng vỡ, tiếp theo một giây im lặng ghê gớm. Mụ quán đứng run, không nói được nên lời. Mụ ấp úng kêu: « Ua trời là trời! »

Bác Xã vụt hất tung cái bàn; ông Lý bị bàn thúc tới ngã ngửa ra, cái chõng theo đà trượt về sau. Ông gượng dậy rất nhanh. Hai người bấu lấy nhau. Bác Xã nắm được cổ ông Lý vít xuống ghì chặt giữa hai bắp đùi, nắm tay lại tha hồ đấm; bác đấm như mưa vào hông, vào bụng, vào chân kẻ địch; ông Lý hục hặc đầu rất mạnh cố gỡ.

Chợt từ mình ông Lý, một vật văng ra, nảy bật trên đất rồi trượt trượt mà nấp dưới chân tủ rượu. Cuộc đấu vẫn mê mải. Bác Xã vẫn thẳng thẽ, giáng nắm tay túi bụi lên mình ông Lý.

Ông này gỡ được đầu ra, vừa định đứng thẳng người dậy, thì lại bị một quả đấm vào hông. Ông « ực » lên một tiếng, lão đảo, hơi há miệng. Mắt ông dờ đi, rồi mềm như bún, ông sụp đổ xuống đất, nằm quì im lặng.

Bác Xã dừng lại, hai bàn tay còn nắm. Bác đã hất mình ông Lý cho bồ ngựa ra. Mình ông Lý chúi trên đất cách nhẹ nhàng. Ông không thở nữa, hai mắt trương lên trắng dã, mép miệng sùi chút bọt. Thằng bé đứng coi kêu lên: « Chết rồi! chết rồi! » và chạy đi loan báo tin án mạng.

Tiếng kêu của nó đánh thức sát nhân. Bác Xã nhìn cái xác một lần cuối cùng, nhìn xung quanh một thoáng nhanh, rồi như cách không việc gì đã xảy ra, không có vẻ đi chốn chút nào, bác thủng thẳng bước ra, vừa đi vừa nói: « Tôi ra chợ đây tôi ra chợ. » Mụ hàng vôi nắm lấy áo bác, kêu àm: « Không được, không được, ông định để vạ cho tôi à? Bác Xã hất tay mụ, làm cho áo bác rách soạc một đường dài: đoạn bác bỏ đi.

Bị hất ngã, mụ quán ngồi bệt luôn trên đất. Mụ nhìn quanh, vẻ ngờ ngạc, không biết làm

B Á O T H A N H - N G H I

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

Trong số 16 Juillet 1942

Có những bài:

— Giáo-dục vì nhân sinh và khoa rèn đức tính-khí.	Vũ ĐÌNH-HÒE
— Những bước tiến bộ của khoa vật-lý học trong 40 năm cận đại.	NGUY-NHƯ KONTUM
— Kim Vân Kiều truyện với sách tài tử.	ĐÀO DUY-ANH
— Dịch văn « Thâm mỹ » của A. Gide.	DIỆU-ANH
— Hiến pháp ở nước Thụy-sĩ.	PHẠM TRINH-CÁN
— Địa vị phụ nữ trong pháp luật Việt-nam.	VŨ VĂN HIỀN
— Kỷ-niệm Phan-Thiết (bài nổi và hết).	ĐÌNH GIA-TRINH
— Bốn chữ trong văn-chương Pháp và văn-chương Việt-nam.	VŨ BỘI-LIÊU
— Trống chầu	NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT
— Lược khảo tiểu-thuyết Tàu.	TRẦN VĂN-GIÁP
— Đọc sách mới.	LÊ HUY-VĂN
— Vấn-đề vệ sinh nước ngoài.	VŨ VĂN-CẦN
— Đứa con (truyện dài).	ĐỖ ĐỨC-THU

B A C B A C B A C B A C B A C

thế nào. Mụ lò la : « Ua làng xóm ơi, đến mà coi, ông Xã đập chết ông Lý rồi ! » Rồi mụ nói nhỏ nhỏ một mình, giọng mệt nhọc vì kinh khủng ; « Ua trời ơi là trời ! Có ai ngờ ri không ! »

Mắt mụ chợt đề ý đến vật nằm cạnh chân tủ. Mụ bò lết sệt trên đất, cầm lấy xem. Đó là một cái ví đã cũ, bụng đầy cộm. Vì bị đánh văng, vì nằm há miệng, để lộ sống lưng của một tập giấy dày ; mụ rút tập giấy ra xem. Do những hình vẽ màu và mùi thơm đặc biệt, cái mùi thơm « tây », mụ nhận ra giấy bạc. Trong một cử chỉ gần như vô ý thức, mụ giắt tập bạc vào thắt lưng, vứt cái ví vào chỗ cũ.

Người hàng xóm và người đi đường dần dần kéo đến, xúm quanh cái xác. Mụ nói như cằn phải tự biện tội ngay : « Ông xã Điều đó, bà con nà, ông xã Điều đập mà nên nông nổi rứa đó ! »

Nhưng bây giờ, mối lo ngại của mụ không phải là cái xác đang nằm sòng sọt giữa quán mụ nữa. Mụ chỉ nghĩ đến tập bạc. Vì lật đặt, mụ giắt không được kỹ. Mụ ngờ nó còn lòi ra ngoài thắt lưng, nhưng không dám nhìn xuống ; mụ bèn giữ ép vạt áo nâu trên bụng.

Người ta đứng nhìn xác chết, tò mò, không ai nghĩ đến chuyện cứu sống hay chuyện báo quan. Một tiếng rầm ri nổi lên : người nào thấy xác rồi thì kêu một tiếng sẽ, bỏ ra cho người khác len vào. Họ hỏi nhau, « Ai chết đó ? »

Vừa lo lắng nghĩ đến tập bạc, mụ hàng vừa nói vắn vớ : « Rứa đó làng xóm nà, nông nổi rứa đó : » Bứt rứt, không thể ngồi yên được, mụ đứng dậy đi lại, nhặt những mảnh vỡ, rồi nhún díp đó đi ra sau. Vứt xong những mảnh vỡ vào đồng rác, mụ ghé vào buồng, rút tập giấy bạc để cất vào rương tiền.

Ngoài kia, có tiếng đàn ông nói :

— Phải đi mời quan phủ chứ, đề mãi ri à ?

Nghe tiếng « quan », mụ đâm luống cuống ; mụ hí hoáy mãi không sao tra chìa khóa vào ổ được. Mụ bèn vứt bạc vào đồng quần áo lấp cạnh rương. Nhưng vì tay run quá, mụ vứt trật ra ngoài. Tập bạc đập vào vách, rơi xuống lân cạnh chân mụ. Mụ toát mồ hôi ; tiếng động vừa rồi, mụ nghe vang lên, tưởng chừng ngoài kia họ đều nghe rõ. Mụ đứng tần ngần một giây, rồi như cách chịu phục tùng số mệnh, như biết rằng mình sẽ không nuốt trôi được của gian kia, mụ cui nhặt bạc, lặn lại vào trong mình, đi ra. Mụ đã quyết định : mụ sẽ trả lại số bạc. Mụ khom khom vờ nhặt những mảnh chai vụn, dạo bàn tay dưới tủ rượu, lấy cái ví giắt nhanh tập bạc vào, rồi giờ ví trước mọi người mà kêu lên : « Ni, của ông Lý văng ra đó, bà con coi ni ! Tôi tìm thấy dưới tủ, dưới ni đây » Cẩn thận, như cách đề cho người ta tin hơn, mụ chỉ vào chân tủ rượu.

Đoạn mụ tới đặt cái ví trên bụng xác chết. Có ai nói : « Chắc nhiều bạc trong nơ » ; không hiểu tại sao, mụ quán thấy vui sướng, gần như kiêu hãnh. Mụ nhìn mọi người, như muốn nói : « Tôi có biết, rứa mà tôi không lấy. »

II

Bây giờ, chuyện đã kết liễu. Mụ quán có bị đòi lên nha hai lần ; quan phủ hỏi mụ cặn kẽ, vắn điều này, bẻ lời kia. Mụ cuống lên, trả lời bậy, rồi lại phản cung. Thầy Đê gắt om. Người ta ch p, người ta đọc lại cho mụ nghe biên bản lời khai, người ta bắt mụ điềm chỉ ; mụ dễ mặc cho làm, lòng sợ hãi trước tất cả những nghi thức rắc rối, kỳ cục kia. Và mụ mừng rằng mình đã khôn ngoan trả lại tập bạc. Mụ nghĩ : « May quá ! Thật là Trời Phật phù hộ, xui cho mình không cất được tiền vô rương. »

YÊU TRẺ EM CHỚ CHO TIỀN, HƯ TRẺ EM ĐI, CHỈ NÊN CHO :

DỒ CHƠI INDO

ích lợi và đẹp như đồ chơi Âu Mỹ

Bán buôn và bán lẻ tại : số nhà 27, phố Hàng Thiếc, HANOI

Án đã xử xong ở tòa sơ cấp. Bác Xã chờ ngày giải tỉnh để người ta thăm lại án. Mụ quán lại được yên ổn làm ăn như cũ.

Một đôi khi, ngồi buồn không có khách hoặc năm chưa ngủ được, mụ quán nghĩ đến tập giấy bạc. Mụ ước lượng giá trị của nó: ít ra cũng dăm chục, tập bạc dày lắm; và ông Lý hôm ấy định đi mua bò.

Năm chục! cả một gia tài! Mụ tưởng nghe lại mùi giấy bạc thơm thơm. Chao! đã một lần mụ mang năm chục trong thắt lưng! Vậy mà Trời Phật không độ, tiền đến với mụ rồi tiền lại đi, giống như chuyện những người kém phúc kia, bắt được thoi vàng thì vàng hóa ngay thành đất. Mụ buồn rầu, nhưng đành chịu.

Nhưng mỗi tiếc và thắm nung nấu dần lòng mụ. Mụ bắt đầu tự trách mình ngu dại, tiền đến trong tay lại nhè xua ra. Sự lo sợ của mụ thực đã quàng xiên: nào có ai chứng kiến việc mụ lấy bạc? Chẳng bé hình nhưng cũng không thấy cái vi vãng ra, nếu thấy nó đã thuật lại cho người ta nghe rồi. Ai có thể biết được ông Lý mang bạc trong mình? Có bà Lý, nhưng bà có dám đoán chắc rằng bạc mất tại quán rượu không? Mụ cứ việc dẫu kỹ tiền, chôn xuống đất nếu cần, rồi ít lâu sau, khi việc đã nguội, lấy ra mà tiêu phí. Với năm chục, mụ có thể mua một chức nhiều cho đứa em trai, mở to thêm cửa hàng rượu, và nhất là cất lại má chông, điều dự định xưa cũ mà vì đồng tiền eo hẹp mụ chưa thi hành được.

Mụ nghiền ngẫm từng ấy ý nghĩ, lâu dần chúng thành một ám ảnh. Mỗi tiếc của khiến mụ lúc đầu buồn rầu, rồi đau xót, gần như phẫn nộ, như cách mụ đã bị ai làm thiệt hại. Việc buôn bán của mụ kém sút đi.

Sau cùng, không ngăn được nữa, một hôm mụ lên quan! Mụ lên đòi lại số tiền:

Thầy Đe, người kinh đô, thấy mụ bèn hỏi:

— Chi đó nữa, mạ (2)?

Mụ chào lễ phép rồi nói duyên cớ cuộc đi của mình. Các thầy cười âm lên tất cả. Thầy Đe vắn:

— Rứa đó là tiền của mạ?

(2) Mạ.

B A C B A C

DANH VĂN NGOẠI-QUỐC

Dịch các tác phẩm văn chương, khoa học nước ngoài là một điều cần thiết, ai cũng công nhận như vậy Báo Thanh Nghị sẽ cùng các bạn trí thức trong nước cố gắng đảm đương công cuộc ấy. Bắt đầu làm việc, Thanh-Nghị xin hiến độc giả những đoạn văn hay, có giá trị về tư tưởng hoặc nghệ thuật, trích dịch trong các tác giả có tiếng ở ngoại quốc, nhất là ở Tây-Phương, mong để các bạn yêu học thuật và văn nghệ thưởng thức đôi chút cái đẹp của nền văn-minh tinh thần ở những phương giới xa.

L. T. S.

Nghệ - Thuật và Kinh - Nghiệm

(Nhà văn hào Prémery khuyên một đệ tử)

DỪ N G nên quên bài học cốt thiết này: Phải sống trước khi viết văn; nhưng sống không phải như người ta đã nhắc đi nhắc lại trong bao năm nay, là đem phó mặc mình cho sự lôi cuốn của các thiên năng. Chạy theo gái đẹp, có nhiều nhân tình, ca ngợi mùa xuân hay tình yêu, chơi bời rượu chè (mà đến cả đánh cờ nữa!) không, không, thế không gọi là sống được! Trước hết ta phải tìm chân lý, ở nơi ta và xung quanh ta, tránh những giả dối như tránh sự phản nghịch, và dưới muôn thế trá hình của ta dò xét để tìm thấy con người cô hữu, sâu xa và sắc thực.

Người ta chỉ có thể trở nên một văn gia xứng đáng khi nào trong mỗi trang văn người ta viết có thể trú ngụ một phần chân lý vĩnh viễn, tuy nhỏ bé mặc lòng. Có người bảo với bạn rằng tinh thần cổ điển trước hết nghĩa là trật tự, thắm mỹ và điều độ; các bạn chớ tin. Cổ điển tức là tri thức. Trong một tác phẩm bạn càng gom nhặt diễn đạt được bao nhiêu sự thực nhân sinh thể như được soi sáng từ phía thắm tằm, bạn sẽ càng đi được tới gần tinh thần cổ điển. Hiểu biết đời và khiến nó thành thể thức, tất cả nghệ thuật là ở đó.

Nhưng nếu trước hết bạn không sống thì nghệ thuật của bạn phỏng có giá trị gì? Một câu thơ của Racine, một trang văn của Montesquieu đầy căng những ý nghĩa tựa như có thể nứt vỡ ra được. Bạn hãy so sánh thì văn ấy với hằng hà sa số những cuốn sách mà ta đã nói đến, trong đó chỉ có lời nhảm, vì tác giả không hiểu những luật sống thực của đời này và chỉ dùng những câu sáo làm sẵn.

Người ta có thể cho in thành 40 quyển sách với những câu học thuộc lòng và trống rỗng như những vỏ trai ốc khô bỏ trên bãi biển.

Sau này khi nào các bạn đã trải nhiều kinh nghiệm và đã suy nghĩ sâu xa về những kinh-nghiệm đó; khi những kinh nghiệm đó sôi nổi ở tâm hồn bạn như men nồng, lúc ấy bạn hãy cầm bút viết, lúc ấy bạn sẽ có học vấn và bạn sẽ tự tạo lấy một lối văn. Văn, các bạn đừng quên, ấy là đường vẽ trang hoàng trong một khu rừng: trước hết phải có khu rừng đã. Và muốn vào khu rừng ấy phải biết yêu tha thiết. Chỉ có thiện cảm là có thể cho chúng ta chiếc chìa khóa mở cửa thế giới này. Nếu bạn không hiến cả thân mình thì bạn chẳng được một tí gì cả. Những kẻ biền lận suốt đời chỉ ôm ấp cái bóng ma của thói xấu của họ. Bạn sẽ đánh một ván cờ ghê-gớm và rất đẹp đẽ. Bạn đánh ván cờ ấy với Thượng-Đế, bạn muốn được một cửa báu mà chỉ Thượng Đế mới có: Bất tử; và bạn chỉ có một ít năm để đoạt nó thôi. Một hành động không suy tính cẩn thận, một sự nhầm lẫn trong khoảnh khắc, ời thôi, thế là bạn bị ngã xuống vực sâu của quên lãng rồi.

Edmond Jaloux (La Fin d'un beau jour : Tàn tạ của một ngày đẹp đẽ).

Dịch giả: DIỆU-ANH

Đầu đề bài dịch là của dịch giả.

Mụ đáp rất cứng cỏi:
— Tiền của tôi.
— Chừng có ở mô?
A, điều đó mụ chưa bao giờ nghĩ đến. Hình như trong bụng, mụ cho, cách rất tự nhiên, rằng không ai chối cãi được quyền sở hữu của mụ trên số bạc mà mụ đã cầm, đã nghĩ thấy mùi thơm, đã lặn trong thắt lưng, đã định bỏ vào rương, chung lộn với tiền mình. Không phải mụ ngu ngốc, nhưng lòng tham bùng cháy và nỗi tiếc ray rứt đã làm loạn trí nghĩ của mụ. Mụ bèn đáp:
— Không, tiền của tôi thật mà.
Người ta đòi cho được chứng cứ; mụ quán, kém lý nhưng cứng cỏi, chỉ đáp một mạch, giọng chậm rãi và tin tưởng:
— Tiền của tôi... tiền của tôi...

Thấy cái trò đùa kéo dài, người ta đuổi mụ ra; mụ không chịu. Một bác linh lệ nắm tay mụ kéo, mụ cưỡng lại, ngồi sụp, cho chân trượt sệt sệt trên nền gạch hoa. Tan buổi hầu, mụ mới bỏ về. Hôm sau mụ lại đến, rồi những hôm sau nữa, điều đặn y như người làm việc bàn giấy. Mụ đem dùng cái khí giới độc nhất của đám dân thôn quê hèn yếu: sự dai dẳng. Mụ ngồi bệt trên gạch, đầu nghiêng, một tay tì má, trông như cách lo nghĩ. Tỉnh thoảng, mụ nhắm mạnh mắt, làm cho một tí nước mắt kẻ già tiết ra ở khóe màu đỏ đỏ. Theo tật quen, da gò má bên phải của mụ đôi khi giật giật, khiến những nét nhăn hình cánh quạt dãn ra, co lại.

Ngồi buồn, mụ chuỗi người nhặt một cái kim găm, dùng đầu ngón tay vuốt cho sạch rồi gài lên khăn chít. Hoặc mụ lê tới gần sọt giấy, lấy ra từng mảnh giấy một, căng thẳng ra như cách muốn đọc chữ trong ấy, đoạn lại vút vào sọt.

Người ta quát mắng, mụ ngồi thu mình lại như để vững thế thủ hơn. Càng bị xua đuổi, mụ càng bám dai, càng tin tưởng rằng mình đã chịu thiệt hại.

Thét rồi quan phủ nổi nóng. Dọa suông không được, ông sai đem giam mụ. Mụ bị giam hai ngày; thẳng em lên xin tha cho mụ, phải dùng sức mới đưa được mụ về nhà.

Từ đó, mụ thành buồn bã, cảm lặng; tập đạc ám ảnh mụ như một bóng ma. Mụ có thêm một cớ để chua xót vì đời, cái đời độc dữ và cướp bóc.

BÙI HIỀN

B A C B A C

TRU'Ò'NG CAO - DẪNG THỂ - DỤC

ĐINH GIA - TRINH

(tiếp theo)

Ngoài những cuộc chạy 1500 thước, còn có những buổi chạy việt dã (cross country) 2, 3, 5 cây số vòng quanh đồi, qua những bụi gai, qua những đường cát lụn; những buổi đi 25 cây số, 35 cây số trong một thời gian định bộ trước; những buổi chạy luôn nửa giờ trên vòng không ngừng. Trong học khóa thứ hai, tháng giêng, tháng hai, tháng ba tây), sau buổi đi bộ 25 cây số với một tốc độ 8, 9 cây số một giờ, nhiều người bị tê mỏi tới 2, 3 hôm. Tôi còn nhớ buổi đi bộ 35 cây số vào khoảng trung tuần tháng Mars vừa rồi. Một giờ rưỡi đêm, trên đồi hiu quạnh kèn gọi mọi người dậy. Chúng tôi thắp đèn, mặc áo trên thể thao và một chiếc quần đùi gọn, đi giày, đội mũ, đeo một bình nước rồi ra sắp hàng ở sân. Ở phương Nam chòm sao Thập-Đạo lóng lánh trên nền trời trong trẻo. Giăng cuối tháng treo mình lên mái gianh phía bắc. Hai giờ đêm chúng tôi khởi hành, trong khí tiết hơi lạnh của ban đêm, dưới ánh giăng đơn lẻ. Trước 9 giờ sáng chúng tôi lại bước qua cổng trường về tới nơi khởi hành. Ăn điểm tâm, tắm rửa xong rồi đi nằm, sáng hôm sau mới thấy thân thể mỏi. Có ít người bị rộp chân phải nghỉ tập mấy hôm. Những buổi chạy và đi ấy khó nhọc nhưng đã cho chúng tôi bao nhiêu sức dai. Về tháng cuối lúc sắp hết học khóa, đối với những lực sĩ Phan Thiết thì chạy 6, 7 cây số, đi mấy chục cây số liền liền không nghỉ, chạy nhanh, chạy giải, đều có thể coi là thường cả, và mỗi một chỉ qua loa mà thôi.

Cũng do mục đích muốn luyện cho học trò dần năng, quen chịu khó nhọc, trong chương trình giầy có những giờ làm việc ở ngoài sân nắng, súc cát, đào đất, khiêng đồ đạc v. v. Với một chiếc sêng, một chiếc cước, những lực sĩ Phan Thiết phơi mình trần cho nắng râm. Đời sống luôn luôn ở giữa giới như vậy đã cho họ một màu da đặc biệt, mà ở tỉnh nào, xứ nào ở Đông Dương người ta cũng nhận ra là «màu Phan Thiết».

Khỏe mạnh, da sức đã dành, còn cần phải biết xử dụng để dãi ở đời, đem sức lực và tài năng của thân thể ứng dụng vào những hoạt động, cần thiết tự nhiên, ở trường C. Đ. T. D. Phan Thiết có dạy đánh võ, tập đi tập chạy luôn luôn như trên ta đã nói, và có môn vượt qua đường hoặc vòng chạy Hébert (piste d'obstacles ou piste Hébert). Trên đường thẳng hoặc vòng các lực sĩ phải nhảy qua các phen lá, nhảy qua các hố giải; nằm rạp trên cát, bò bằng chân và khuỷu tay dưới một hàng tre giải sắp song nhau cách mặt đất độ 40 phân tây; đi nhanh trên các thanh gỗ hẹp (may thay không đến nỗi đặt cao giữa hai ngọn lâu như Montaigne đã muốn để bắt một nhà triết học cam đảm đi qua..!); leo tường rồi lại nhảy xuống phía sau; nhảy qua một cái phen lá giải treo trên một cái hố sâu. Qua tất cả các trở vật ấy, nhà lực sĩ đã đem dùng tài chạy, nhảy cao, nhảy giải, bò, chèo, và đã tập được bạo dạn và can đảm (vì có khi bạn nhảy giải thường được hơn bốn thước mà khi phải nhảy qua một hố sâu giải 3 thước thì chùn lại vì sợ ngã xuống hố).

Trên đây là nói lược qua phương pháp luyện tập thân thể ở trường C. Đ. T. D. Phan Thiết. Tưởng ta nên chú ý tới một vài điểm này nữa: *Môn chạy là môn rất quan trọng trong chương trình huấn luyện.* Học trò lúc bắt đầu tập (mise en train) đã phải chạy đề tay ngang gáy, ngang lưng, sau lưng, giang thẳng sang bên, giơ thẳng lên giới v. v. để cho nóng người và chữa cho thân thể được thẳng thắn (*Course avec mouvements correctifs de l'attitude* thường đi sau *marche avec mouvements correctifs de l'attitude*). Trong các môn điền kinh lại thường phải có chạy. Rồi đến các môn chuyên chạy (chạy 100m, 400m, 800m, 1500m v.v...). Khi đến các môn vận động, đi từ chỗ ném tạ ra chỗ leo giầy chả hạn cũng thường chạy theo bước chân nhỏ (*petite foulée*).

Mỗi bài tập có một tinh cách liên tiếp rất chặt chẽ: giữa hai môn vận động không có

DÔNG-DU'Ò'NG Ở PHAN-THIỆT

nghỉ ngơi lâu. Học trò mồ hôi nhễ nhại, nhọc mệt, ấy là kết quả mà các huấn luyện viên muốn đạt tới. Lúc sắp hết giờ tập, học trò đi thành hàng ngũ trên vòng chạy ca bài «A Phan Thiết, là haut sur la dune...» (Ở Phan Thiết, trên đồi cát cao kia...), hoặc bài «Une fleur au chapeau» (Một đóa hoa trên mũ), hoặc bài Jeunesse (Thanh Niên). Tiếng ca vang đem hăng hái và vui vẻ lại cho các tâm hồn. Sau hết đến lúc chào lối thể thao, hô lớn những tiếng kêu chiến khí của nhà trường: *B.-ha-hi...* (Cri de guerre de l'école), rồi giải hàng ngũ.

2 — HỌC NGHỀ DẠY THỂ DỤC

Trên đây ta đã nói đến phương pháp đề tập luyện cho thân thể được tráng kiện. Nhưng trường C. Đ. T. D. Phan Thiết mở ra còn có mục đích là rèn luyện những huấn luyện viên thể dục (moniteurs d'éducation physique) nữa, nên học trò phải tập cái nghề tương lai của họ.

Trước hết họ phải tập mỗi ngày một giờ những môn vận động của trẻ con đủ các hạng tuổi, hạng từ 6 đến 8 tuổi, hạng từ 8 tuổi đến 10 tuổi, hạng từ 10 đến 13 tuổi. Lại có các môn vận động tuổi thiếu niên: độ thứ nhất cho những người từ 16 đến 18 tuổi... (những tuổi 13, 16, 18 chắc có nhiều ý nghĩa với các hình-luật-gia.) Lại có những bài học cho người lớn (adultes), cho người đứng tuổi (hommes mûrs). Trong những bài thể dục đề dạy trẻ người ta chú ý nhất đến hoạt động, vui vẻ, vì vậy nên các môn vận động thường có tính cách du hí và đi kèm với ca hát.

Học trò lại phải tập ra mệnh lệnh, tập quản trị một đoàn. Họ học khoa giải phẫu, khoa sinh lý để hiểu rõ sự tác động của các bắp thịt, ảnh hưởng của thể dục đối với cơ thể, và vì đó biết tránh những nhầm lẫn ngu si trong lúc tập cho mình hoặc giầy cho người tập. Họ học khoa thể dục sư phạm (pédagogie appliquée à l'éducation physique) để biết cách giảng một bài thể thao, giầy một lớp học trò. Họ học những luật lệ về các môn thể thao để có thể làm một viên trọng tài đứng đắn.

III — Thi ra

Cuối học khóa có kỳ thi tốt nghiệp vừa về thể dục vừa về trí dục. Học trò phải thi các môn

điền kinh ta đã kể trên như khi họ qua kỳ sát hạch. Số điểm tổng cộng sẽ phân cao thấp về lực lượng thể dục. Ngoài môn thi thể dục có các môn thi viết về trí thức: làm một bài luận pháp văn, một bài luận giải phẫu hoặc sinh-lý học... Rồi đến thi vấn đáp, có thêm môn thực hành quản trị một lớp học thể dục. Cộng hết cả điểm số mọi môn lại, kể cả điểm số về thi điền kinh, người ta sẽ định số người đỗ và số người hỏng, thứ tự cao thấp cho những người đỗ.

Người nào đậu tốt nghiệp được một tấm bằng huấn-luyện-viên-thể dục. (Mới đây người ta đã bỏ không phân biệt huấn luyện viên thể dục: moniteurs d'éducation physique với huấn luyện viên giáo dục đại cương: moniteurs d'éducation générale). Người nào thi hỏng, được nhà trường cấp cho một tờ giấy chứng chỉ đã theo đủ học khóa.

Những điều nhận xét để kết luận

Trường C. Đ. T. D. Phan Thiết mới sáng lập chưa được bao lâu nên chưa có bể bơi để dạy bơi, và trong khi đợi xây nhà gạch xong, học trò còn phải ở nhà lá. Nhưng ta chắc trong một tương lai rất gần trường Thể Dục Phan Thiết sẽ được tổ chức hoàn bị.

Học trò tới học ở Phan Thiết gồm có các thanh niên học sinh chưa có việc làm, muốn trở nên những thầy giầy thể dục ở xứ sở mình, có các công chức, nhất là các giáo viên học để sẽ giầy thể dục ngoài những giờ làm việc của họ. Về phương diện trí thức họ rất phức tạp tuy đã có sự chọn lọc bắt họ phải có một sức học tương đương với một người có bằng thành chung hoặc cao-đẳng-tiểu học-pháp. Có những chứng chỉ học lực hình như không sắc thực đã mang vào Phan Thiết những thanh niên chỉ có một sức học ngang với một người có bằng Tiểu học mà thôi! Sự kém học thức ấy khiến họ không hiểu hoặc hiểu rất chậm chạp, và khó khăn những bài học giầy ở nhà trường và khiến họ vụng về trong sự giầy tập. Nhưng trái lại, ở trường thể dục Phan Thiết cũng có một số các bạn học lực khá: nhiều giáo viên có bằng thành chung, những công chức có bằng tú tài v. v. ...

Nay nói về kết quả của sự luyện tập thì những ai đã qua trường C. Đ. T. D cũng đều nhận thấy rằng ba tháng ở Phan Thiết nâng cao độ sức lực của họ lên rất nhiều. Người béo mất mỡ, người gầy lên cân, nổi bắp thịt. Sau một tháng ở Phan Thiết, các thân hình trở nên cùng màu sắc, người ta trở nên người của « ESEPIC » rồi.

Có lẽ 3 tháng là một thời gian ngắn quá để có thể tạo nên được những huấn-luyện-viên hoàn toàn. Một giáo viên thể dục đặc sắc nhất ở Phan Thiết, huấn luyện viên Petit cũng nghĩ như vậy. Nhưng theo ý của chính phủ thì trước hết phải tạo mau cho Đông Dương rất nhiều huấn luyện viên để bành trướng phong trào thể dục. Rồi sau khi đã tạm đủ số huấn-luyện viên, lúc bấy giờ có thể sẽ định một hạn giải thêm cho mỗi học khóa, và bắt các huấn luyện viên cũ trở về Phan Thiết tập cho giỏi giang hơn.

Trong khi những bài học diễn trong thể giới đã cho ta hiểu sức mạnh là cần thiết cho sự sinh tồn của một dân tộc thì trường C. Đ. T. D.

Phan Thiết sáng lập ra thật hợp với nguyện vọng của thanh niên. Trường thể dục đó luyện cho thân ta cường tráng, dạy cho ta biết đau đớn, biết khó nhọc, biết trọng tinh thần độc lập và tinh thần kỷ luật. Đại-úy Grolleau thường nhắc đi nhắc lại cho học trò một lời đáng để ta suy nghĩ hàng ngày : « Có tập đau khổ mới trở nên anh hùng, mới làm được những việc vĩ đại. Các bạn phải nghĩ đến tổ quốc của các bạn, các bạn phải nghĩ đến việc làm cho tổ quốc vinh quang, Hãy luyện tập thân thể, hãy chịu tập đau đớn, để đào tạo một ngày mai sáng sủa cho nước nhà ». Trung tá Ducoroy buổi qua Phan Thiết vào cuối tháng ba tây vừa rồi cũng khuyên học trò ra đời phải tận lực chiến đấu để cho lý tưởng cải tạo lại nổi giống được đắc thắng.

Thanh niên Việt Nam đã nhiệt thành hoan nghênh những ý tưởng ấy và sau khi từ giả Phan Thiết trở về xứ sở của họ, họ không quên đem tâm huyết ra phụng sự lý tưởng mạnh và can đảm mà họ đã cảm và đã quan niệm ở góc biển xa xôi miền nam kia.

Đ. G. TRINH

Ý-KIẾN BẠN ĐỌC ĐỐI VỚI BÁO THANH-NGHỊ

Thượng-đỗ le 17 Mai 1942

Monsieur le Directeur du Thanh-Nghị
à Hanoi

Thưa Ngài,

Tờ báo Thanh Nghị là một tờ báo chuyên chú về các vấn đề giáo-dục, khảo-cứu, nghị-luận và văn chương. Thật là một tờ báo đầy đủ hơn hết. Chúng tôi gửi rất nhiều hi-vọng vào nó. Mong ngài sẽ đạt được mục đích, cái mục đích lớn lao mà ngài đã đề vào tờ Thanh-Nghị.

Chúng tôi đã đọc và mong được đọc mãi mãi những bài của các vị Thạc-sĩ, Bác-sĩ, Dược-sĩ cùng các văn sĩ nổi tiếng.

Tôi mong rằng bức thư này tới nơi, ngài sẽ gửi cho tôi mua một năm báo Thanh-Nghị và giá tiền theo từng semestre một.

Nay kính thư

NGUYỄN QUÝ-NỸ

o Village Thượng-đỗ

par gare et poste Lai Khê (Hải-dương)

Vinh ngày 15 Mai 1942

Thưa ông chủ bút báo Thanh-Nghị

Thưa ông,

Tờ Thanh-Nghị hiện nay là một cơ quan đứng đầu nhất của trí thức. Phần khảo cứu và nghị luận của nó giúp ích cho văn học nước nhà nhiều lắm.

Tờ báo quý hóa ấy của các ông xuất bản đã lâu nhưng vì sự bất đắc dĩ nên chúng tôi không thể mua được đủ cả tập.

Nhận thấy nó rất cần thiết và quan hệ cho sự học hiểu của chúng tôi hiện nay và sau này, chúng tôi muốn sưu tầm được từ số 1 đến số 10. Đã tốn công hỏi ở một vài nơi đại lý của quý báo mà vẫn vô hiệu, chúng tôi phải viết bức thư này ra nhờ tòa soạn giúp cho việc này.

Ồ. NGUYỄN THIÊN-KIM

Làng Quỳnh đôi

Trạm Phú-nghĩa (gare Cầu-giát)

Fort Bayard le 6 5-42

Kính gửi ông Vũ Đình-Hòe

chủ nhiệm báo Thanh-Nghị à Hanoi

Thưa ông,

Phiền ông làm ơn cho tôi mua một năm báo Thanh-Nghị kể từ số 1er Mai 1942 và phiền ông gửi cho tôi những số báo thiếu kể từ số đầu cho đến số 1er Mai 1942.

Tôi không ngờ tờ T. N. lại đứng đắn đến thế, giờ từ đầu chi cuối không thấy bài nào là thừa, bài nào cũng có giá-trị và có ích cho người đọc, nhất là mục phê bình các sách của ông Diệu Anh.

Tôi mong về sau mỗi tờ Thanh-Nghị có ít nhất là một bài phê bình sách, vì các sách của ta xuất bản thì nhiều mà rất ít người phê bình, — nói là không có thì đúng hơn.

NGUYỄN VĂN VANG

Travaux Publics à Fort Bayard

Luật thuê nhà theo sắc lệnh ngày...

(Tiếp theo trang 9)

Các ông Chủ-ông-lý và Biện-lý có quyền, không cần đợi khiếu, cho điều tra về các việc tăng tiền nhà quá đáng và tư ra tòa Trừng-trị.

5.) Mục thứ năm tức mục chót nói về mấy điều đại cương

Sắc-lệnh có ích dụng cho toàn quốc. Vậy hợp đồng tư gia, nếu trái thì phải hủy; nhưng nếu hợp, thì vẫn được thi hành các luật lệ hiện thời không trái với sắc-lệnh mới vẫn thi hành. Nhưng bốn đạo sắc-lệnh cũ về luật thuê nhà (5-11-1939, 20 mars 1940, 29-12-1941 và 14-3-1942) đều bỏ đi vì không dùng đến nữa.

Sắc-lệnh mới không phạm đến quyền các quốc-vương đệ phương. Vậy nếu chủ nhà và người thuê đều là người bản-xứ, thì phải đợi lệ luật của Quốc-vương họ định đoạt.

PHẦN THỨ HAI

Sắc-lệnh thứ hai ngày 13 Mai 1942 nói về việc yết bảng và trình báo các nhà cho thuê bỏ không

Sắc-lệnh bắt buộc các chủ nhà cho thuê hoặc

các người hưởng quyền lợi một bất động-sản có thể cho thuê được, phải yết bảng cho công chúng biết trong hạn 5 ngày sau khi nhà bỏ trống. Bảng phải treo ngoài nhà, để cho người qua lại dễ đọc và phải nói rõ số buồng cùng giá thuê. Trong 15 hôm phải ra Đốc-lý khai các điều kê trên. Khi nào có người thuê, thì trong 15 hôm kể từ ngày cho thuê phải ra khai Đốc-lý một lần nữa.

Hàng năm, từ đầu đến cuối tháng giêng tày, các chủ nhà lại bắt buộc phải ra Đốc-lý khai rằng nhà của mình cho thuê có bao nhiêu buồng, giá tiền bao nhiêu và có cần phải sửa chữa ở đâu không. Các điều khai như thế sẽ biên vào một quyển sổ để ở Đốc-lý. Công chúng có thể xin một bản trích-lục giá nhà mình đang ở.

Chủ nhà nào không tuân các điều kiện của sắc-lệnh sẽ bị phạt lần đầu từ 16 cho đến 500 quan, lần thứ hai, sẽ bị số phạt nặng nhất, tức là 500 quan.

Sắc-lệnh nói thêm sẽ có một đạo nghị-định quan Toàn-quyền định rõ về cách thức thi hành sắc-lệnh.

.....

D. X. S.

Cải chính : BÀI « LỄ LẬP XUÂN Ở HÀ-NỘI VỀ THỜI HẬU LÊ »

(Trong T. M. số 14 thợ nhà in năm, lần mất đoạn kết vậy nay xin đính chính :)

Ta nên nhận xét điều nữa. Vì vua thứ nhất trong Ngũ-đế của Tàu là vua Phục-Hi theo tục truyền vẫn coi sóc mọi việc về mùa Xuân và có thần Câu Mang là bộ hạ, sang đến ta thì nhường chỗ cho Long-tổ-vượng là một thần bản xứ, thành hoàng của thành Thăng-Long. Sự hỗn dung tôn giáo ấy chắc ta còn tìm thấy nhiều thí dụ nữa trong các lễ giáo ta mượn của Tàu.

Một điều nhận xét cuối cùng này nữa : đem so sánh lễ lập-xuân về thời Hậu-Lê với lễ ấy ở bên Tàu và bên ta trước và sau nhà Hậu-Lê, ta sẽ thấy rằng lễ lập xuân về thời Hậu-Lê rục rờ huy hoàng hơn cả : có lẽ đó là một trong nhiều phương sách mà vua chúa ta dùng để giải cho bớt những tai ương mà dân ta phải chịu : những nơi thống khổ ấy có tiếng vang

đội giải và đau đớn trong văn chương buổi Lê tàn. Trộm cướp trong xứ, giặc giã bên ngoài dấy lại cho dân ta bao nhiêu điều khổ sở ; chúa Trịnh chuyên quyền làm cho chính trị thiếu nền tảng vững trãi ; mùa mất luôn luôn làm cho dân Bắc đói kém (từ năm 1681 đến 1725, tôi tính ra ít nhất cũng mất mùa 15 vụ.) Đứng trước những thảm cảnh đó, nên chính phủ ta không những tế mùa xuân ở đàn Nam-Giao lại còn lập ra lễ đặc biệt này lúc đầu năm, làm cho lễ được uy nghi long trọng vì lễ vật cũng có, vì người dự lễ cũng có (phần đông là quân lính, một đặc tính của buổi loạn ly ấy). Vua chúa thỉnh các vị thần vẫn che chở nước nam về giúp các ngài đề trừ những tai ương hành hạ nước nam và đề mở một kỷ nguyên thịnh vượng hơn, sung sướng hơn.

N.Đ.N.

MẤY VỤ KIẾN GIỮA CHỦ VÀ NGƯỜI THUÊ NHÀ

(tiếp theo) **Đỗ Đức-Dục**

VỀ phần những nhà thuê ở-hoặc sự buôn-bán hay làm kỹ-nghệ xét ra chỉ là phụ-thuộc-thì gia-hạn hưởng-dụng được thì hành một cách đầy đủ. Người chủ nhà chỉ được lấy lại nhà trong hai trường hợp đặc biệt:

1) Lấy lại để chính mình ở, hoặc để bố mẹ, vợ con ở;

2) Lấy lại để làm lại nhà, hoặc xây cao lên hoặc chữa chạy quan-trọng.

Tuy nhiên họ không thể tìm những cách gian lận để đánh lừa người thuê và che-mắt pháp-luật. Để làm thí-dụ, tôi xin kể ra đây một vụ kiện quan-trọng vì những trường hợp đặc-biệt.

Vụ ấy ra trước tòa thượng thẩm Saigon, phiên 20-2-1942. Nguyên bà Loan có thuê của ông Đàng tòa nhà số 156 phố Duranton Saigon, để ở từ năm 1937. Ngày 29 Janvier 1940 ông Đàng báo tin cho bà Loan rằng tiền nhà tăng từ 50p. lên 75p. một tháng bắt đầu từ ngày 1er Mars. Bà Loan giả-nhờ, ngày 1er Février, không chịu, thì bữa 27 Mars 1940 nhận được giấy của Đàng, do

trưởng-tòa đưa đến nói đòi lại nhà để mình ở, vào cuối tháng Septembre. Kể đến ngày 17 Octobre 1940 thì bà Loan lại được giấy của tòa khàn-cấp bắt phải dọn nhà đi, Trong thời kỳ đó bà Loan có kiện lại Đàng, xin tòa cho thủ-tiêu giấy đòi nhà bữa 27 Mars được trở lại nhà cũ, và thêm món tiền bồi thường là 1000p. vì sự lạm-quyền đó.

Việc lên tòa thượng thẩm bà Loan viện ra hai cơ:

1) Cơ thứ nhất: Đàng đòi lại nhà bữa 27 Mars vì bà không chịu sự tăng tiền nhà.

2) Cơ thứ hai: sự lấy lại nhà để ở chỉ là chuyện giả-dối, không thực (vì chính là lấy lại là để cho người khác thuê cao giá hơn).

Về phần Đàng thì kêu rằng: vào quãng Novembre 1939. Đàng có điều-đinh để bán cho Trần-công-Thành hai trong ba ngôi nhà số 156, 158 và 160 phố Duranton nhưng Thành chỉ nhận mua nếu những nhà đó không có người thuê. Còn như bà Loan thì, sau khi không chịu sự tăng tiền nhà bữa 23-2-1940 có hẹn với Đàng đến 5 Mars thì dọn đi nếu Đàng không đòi tiền nhà tháng Février. Nhưng đến 5 Mars là Loan cũng không dọn đi, thành ra đàng phải dọn đi ở một ngôi nhà nhỏ trong ngõ Duranton, để nhường lại nhà số 160 cho Thành vì Thành, tin lời hứa của Đàng rằng nhà số 156 sẽ bỏ không từ bữa 5 Mars, nên đã giả nhà cũ từ bữa 15 Mars. Như thế Đàng phải ở trong ngõ Duranton từ 15 Mars cho đến 7 Novembre 1940 mới về số 156 khi bà Loan dọn nhà đi theo lệnh của tòa sơ-cấp.

HỌC CHỮ NHẬT

Muốn biết chữ Nhật mau chóng thì nên mua cuốn « Nhật-Ngữ-Tự-Học » của Nguyễn Ngọc Loan soạn. Chữ Nhật giảng Quốc-ngữ và chữ Pháp, dạy rõ mẹo luật, tự mình học lấy, dễ hiểu chóng biết, đã được quan Tổng-lãnh-sự Nhật đề tựa và ban khen rằng: « Từ trước đến nay chưa từng có cuốn sách nào có qui thức như vậy, nó sẽ là cuốn sách học chính của cả mọi người » v. v. Giá bán: 2\$00, thêm cước gửi 0\$70. Ngân phiếu xin đề cho ông:

NGUYỄN DI-LUÂN

DIRECTEUR

Nam-thiên thư cục

Nº 37. Rue des Pipes — HANOI

Đó là lời khai của Đàng ; nhưng sự thực thì batháng sau khi về nhà số 156, vào quăng đầu tháng Février 1941, Đàng lại quay về ở nhà số 160 để đòi cho Thành sang ở nhà 156 tức là nhà bà Loan ở trước.

« Lý do, lời tòa thưởng-thẩm dù cho thị Loan bữa 23-2-1940 có hẹn miệng rằng đến 5-3 thì dọn đi-vả chẳng chính thị Loan không nhận rằng đã hẹn mà chỉ hứa sẽ tìm nhà khác — thì Đàng cũng đã có lỗi là nhận cho Thành thuê nhà số 156 trước khi người thuê cũ dọn đi hoặc báo tin dọn đi hợp phép ; vả lại giấy-tờ chứng rằng Đàng lấy lại nhà chỉ vì thị Loan không chịu giá tiền nhà từ 50p. tăng lên 75p. mà Thành thì bằng lòng thuê với giá 65p. liền nhà hàng tháng Thành vẫn trả từ ngày 15 Mars 1940 cho nhà số 160, và từ tháng Février 1941 cho nhà số 156.

« Lý do cái cơ lấy lại nhà để chính mình

ở, ngày 27 Mars hoàn-toàn sai mà sự thực chỉ là để « tổng khứ » một người thuê nhà không chịu sự tàng tiền thuê mà sắc-lệnh 5-11-1939 ngặt cấm, và để nhận một người thuê khác bằng lòng giá tiền thuê cao.

« Lý do điều thứ 15 (52) của sắc-lệnh trên nói rằng : Người chủ mà không đến ở nhà mình đòi lại được ít nhất là ba nam sẽ phải bồi thường cho người thuê, vì sự tước-đoạt quyền hưởng dụng không chính đàng (privation injustifiée de jouissance) một món tiền ít nhất là bằng một năm liền thuê nhà đó ; — xét ra nhà số 156 cho thuê là 50p. một tháng lúc đòi lại (27 Mars) vậy thị Loan có quyền được bồi thường một số tiền mà tòa có đủ yếu-tố để định theo số lối-thiếu của sắc-lệnh trên, nghĩa là 600p. »

ĐỖ ĐỨC DỰC

MỚI XUẤT BẢN

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN CHỨC

Nhà **tân dân** xuất bản

trong Tủ Sách Tao Đàn

Toàn bộ 4 quyển Mới ra quyển I

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 70

Bản đặc biệt lụa dó : 4 \$ 00



Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông
Vũ Đình-Long

93, Rue du Coton. — HANOI

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất Desseau và Bordelaise, đã được phòng thí nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thư về :
136 Armand Rousseau, Hanoi

THẾ - GIỚI TỰ' THÁNG

Cuộc chiến - tranh ở Âu - Châu

(Tiếp theo)

RỒI đột nhiên, xét thế quân không đương nổi với Đức, ngày 29 tháng 5 năm 1940, vua Bỉ là Léopold III truyền lệnh cho 30 vạn quân Bỉ ra đầu-hàng khiến cho quân Pháp bấy giờ chưa rút về kịp bị Đức vây đuổi . . . ; và ngày 11 tháng sáu khi quân Đức đã tiến sâu vào trong phòng-tuyến Pháp tại phía Bắc và Đông-bắc, Ý lại tuyên-chiến với các nước dân-chủ và đem quân sang đánh Pháp ở miền Đông-Nam.

Không còn hy-vọng gì cứu-vãn nổi tình-thế, nội các Reynaud phải từ-chức để lại cho thống-chế Pétain cái trách-nhiệm nặng-nề là đứng ra điều-định với quân-địch

Ta sẽ có dịp xét qua chính-sách của thống-chế Pétain về nội chính và ngoại giao từ trong hồi ấy; nay ta hãy xem tiếp những đoạn nối của cuộc Âu-chiến.

Đã thắng được khắp mặt trận trên lục-địa, (vì Na-Uy, Hà-Lan cũng đã chịu hàng) Đức liền tấn-công sang Anh: bắt đầu từ đầu tháng 7 năm 1940, hàng ngày Đức đem hàng nghìn phi-cơ sang đánh phá đất Anh. Luôn cho tới tháng mười năm ấy, dân Anh sống trong sự lo-sợ, hàng vạn người chết vì bom, tinh-thành, dinh-thự, công-sở trên đất Anh bị tàn-phá không biết bao nhiêu; tính tới ngày mồng một tháng 10, riêng Luân-đôn bị ném bom tất cả 200 lần.

Nhưng sau những trận đánh bằng phi-cơ ấy, Đức vẫn chưa đủ bộ được sang Anh.

Sang giữa tháng 10 năm đó thì ngọn lửa chiến-tranh lại tạm yên ở phía tây mà quay về đông-nam châu Âu: hình như đánh thắng sang Anh không được, Đức-Ý lại muốn dùng chiến-thuật của vua Nã-pha-Luân ngày xưa là tìm cách ngăn không cho Anh giao-dịch được với các xứ cận-động và nhất là Ấn-độ là xứ sẵn cung-cấp cho Anh cả thực-phẩm lẫn nguyên-liệu dùng vào công-cuộc kháng chiến.

Ngày 29 tháng 10 năm 1940, quân Ý kéo sang đánh Hi-lạp. Nhưng cuộc đánh nhau này kéo dài mãi; Ý kháng-chiến một mình nên bị thua luôn, trong khi ấy thì ở châu Phi, Anh cũng thắng nhiều trận ở biên thùỳ Ai-cập và Lybie (thuộc địa Ý) và chiếm hẳn được Erythnée (26 tháng 3) rồi Abyssinie (4 tháng 5)

Quân Đức, hình như nghỉ trong thời kỳ đó, lại bắt đầu hoạt động từ đầu tháng ba năm 1941. Sau

khí đã kéo quân qua Bảo chiếm Nam-tur-lạp-phu vào đầu tháng tư, Đức đánh tan quân Hi-lạp và Anh rồi chiếm giữ cả đất Hi vào cuối tháng ấy, và sang hạ tuần tháng năm dùng quân nhầy dù mà chiếm được đảo Crète của Anh.

Đến đây, sau 20 tháng chiến tranh, trên lục-địa châu Âu, tất cả tám nước nhỏ (gồm 80 triệu dân) bị quân Đức-Ý chinh phục hẳn, còn sáu nước (gồm non 70 triệu dân) thì bị Đức-Ý-Nga chiếm đóng một phần lớn. Nếu ta nhắc lại rằng từ năm 1938, các nước Áo, Tiệp-khắc, Albanie đã mất tên trên bản đồ thì ta có thể nói rằng mục đích thứ nhất của Hitler-Mussolinie thật đã đạt được: tờ hòa ước ký tại Versailles năm 1919 định lại biên giới và đặt ra nhiều nước nhỏ tại Trung-Âu bị sé tan; không những thế cục diện phía Tây và Đông châu Âu sây đắp dần từ 1815 và 1830 đến nay cũng thay đổi hẳn. Công cuộc cả một thế-kỷ bị phá vỡ trong non hai năm giới!

Nhưng từ đầu tháng tư 1941, khi Đức dần tiến về phía Đông-Nam, thì đã bắt đầu có những cuộc sích mích với Nga, vì Đức-Ý và Nga từ hơn thế-kỷ nay vẫn có những quyền lợi trái ngược ở bán-đảo Balkans. Sự gay go dữa hai phái chỉ tăng thêm từ khi Đức chiếm Nam-tur-lạp-phu là một dân tộc đồng-chủng với Nga, và mới ngày 7 tháng tư năm 1941 còn ký hợp ước bất sấm phạm với Sô-Viết. Sang đầu tháng năm, đã có những cuộc thay đổi báo trước cơn rông tố sắp sây ra: Staline lên thay Molotov làm chủ tịch hội đồng ủy viên tức là đứng đầu chính-phủ Sô-Viết (ngày 8), Rudolf Hess bay sang Anh. . . . tin-đồn cấm các du-khách không được tới biên thùỳ phía đông v. v.

Rồi ngày 23 tháng 6 năm 1941, Đức Ý và Lỗ công khai tuyên-chiến với Nga Sô-Viết. Rồi Hung, Phần-lan cũng hưởng ứng lấy danh nghĩa là để chinh-phát cộng-sản, trong khi ấy thì Nga đòi thành đồng minh của Anh và được thiện cảm và sự giúp đỡ của nước tư-bản to nhất hoàn cầu là Hoa-kỳ. Từ đó bắt đầu cuộc chiến tranh vĩ-đại chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, vì số quân và số chiến-cụ của đôi-bên đem ra để phấn đấu nhiều hơn sức tưởng tượng của mọi người.

Trong hồi đầu, từ cuối tháng 6 tới ngày 10 tháng chạp 1941, Đức và đồng minh của Đức thắng ở vùng Minsk và Pinsk, tiến sâu vào đất Nga, chọc thủng phòng tuyến Staline (15 tháng 7), rồi phía bắc thì bỏ vây Léningrad (dữa tháng 9), ở dữa thì chiếm Smolensk (7 tháng 8) tiến đến 50 km ở phía tây kinh thành-Moscou (25 tháng 11); còn

CHÍN NĂM 1939

CỦA TÂN-PHONG

Tình-hình Thái-bình-dương

Dẫu sao, hiện nay ta vẫn chưa biết cuộc Âu-chiến bao giờ sẽ kết-liệu. Mà rồi ra kết-liệu ra sao cũng sẽ có ảnh hưởng đến tình-hình Thái-bình-dương và các nước ở phía Đông châu Á.

Khi cuộc chiến-tranh bắt đầu nhóm ở Âu-châu thì đã hơn hai năm ở phía Đông châu Á đã có cuộc chiến-tranh Trung-Nhật (bắt đầu từ 8 tháng bảy 1937). Ngày 4 tháng 9 năm 1939, Thủ-tướng Nhật tuyên-bố sẽ không tham-dự vào cuộc Âu-chiến mà chỉ chú trọng để giải-quyết cho xong vấn đề Trung-hoa.

Vì thế cho tới giữa năm 1940, việc đáng chú ý nhất ở đây là việc Nhật giúp nhà lãnh-tụ Trung-hoa Uông-tinh-Vệ lập chính-phủ trung-ương tại Nam-kinh, phản đối với chính-phủ Trùng-khánh của Trương-giới-Thạch.

Từ đầu tháng giêng 1940, các nhà đưong-cục Nhật đã công-bố điều dự-định ấy: nhưng các chính-khách của chính-phủ « cải-tổ » Trung-hoa cũng còn phải qua lại Tokyo và sửa soạn cho đến ngày 20 tháng 3 năm 1940, những ủy-viên các phân-tử tán thành Uông-tinh-Vệ mới hợp thành Hội-nghị Chính-trị Trung-ương ở Nam-kinh lần thứ nhất

Hội-nghị ấy có 30 đại-biêu, gồm có 10 đại-biêu của đảng Quốc-dân « cải-tổ » do Uông đứng đầu, 19 đại-biêu của các chính-phủ địa phương tạm thời, 2 đại-biêu xứ Nội Mông-cổ và 8 đại-biêu các chính đảng khác.

Hội - nghị bãi bỏ các chính - phủ địa - phương tạm thời, cho Uông-tinh-Vệ toàn quyền để lập một chính-phủ trung-ương mới và để giao-thiệp với Nhật-bản, và lấy khẩu hiệu là « Hòa-bình, Kiến-thiết và Bài-cộng ».

Về lối tổ-chức ở trong thì đại khái chính-phủ lại chia ra năm viện theo như lối tổ-chức của Trung-hoa năm 1927 và có đặt thêm một « co-quan chấp-chính tối-cao » (do viên chủ-tịch ban Hành-chính đảng Quốc-dân cải-tổ đứng đầu, để giúp chính-phủ. Riêng ba tỉnh Hà-bắc, Sơn -đông và Sơn-tây, là ba tỉnh giàu về khoáng-sản và nông-sản, được quyền tự-trị và sẽ do một « Ủy-ban chính-trị Hoa-bắc » điều-khiển; ủy-ban ấy có quyền tổ-chức quân-đội, quyết-định các vấn-đề ngoại-giao, khuyếch-trương nền kinh-tế, quản trị tài-sản của nhà nước, giữ trật tự ở trong ngoài v. v.

Về ngoại-giao thì Uông-tinh-Vệ nhất quyết hợp-tác với Nhật-bản để lập nền trật-tự mới ở Viễn-đông, bài trừ cộng-sản, và hợp-tác với tư-bản ngoại-quốc để khai-khẩn những nguồn lợi thiên-nhiên của Trung-hoa.

phía nam thì chiếm Kiev (20 tháng 9), Odessa (18 tháng 10), Rostov (23 tháng 11) Pkarkov và Kertch ở phía đông đảo Crimée (18 tháng 11).

Ngày 10 tháng chạp, Hitler tuyên bố hoãn cuộc tấn công, thu hẹp trận tuyến để đợi cho qua mùa đông. Đến lần Nga khởi thế công, lấy lại được Ke-tch, tiến theo chiều sông Dniepr (cuối tháng 12) thắng ở gần Moscou (tháng giêng 1942), thắng ở vùng Léningrad (cuối tháng hai 1942) Nhưng trong suốt tháng ba 1942, Đức cần được cuộc tấn công của Nga, rồi từ đầu tháng tư sang gần nửa tháng năm cả hai bên đều bớt hàng, hình như để sửa soạn trận đánh về mùa hạ sắp tới.

Rồi ngày 11 tháng 5, sau khi đã sửa soạn từ ngày 8, quân Đức và Lỗ đánh mạnh vào bán đảo Crimée và đến ngày 15 thì lấy lại được Kertch; nhưng Nga còn cố trống giữ ở các vùng lân cận trong hơn một tuần lễ nữa. Trong khi ấy, muốn bù lại cuộc thất bại ở Crimée, Nga đem quân tấn công vào phía Kharkov (ngày 13 tháng 5), tiến sang phòng tuyến Đức có chỗ sâu tới 110 km; nhưng ngày 17, Đức đánh ngang vào sườn quân Nga, và từ 24 thì bỏ vây non nửa triệu quân Nga rồi đánh tan đại-đội-quân đó.

Sau hai trận thắng ở Kertch và Kharkov, qua vài tuần yên lặng, rồi và sang giữa tháng 6 Đức-Ý lại bắt đầu đánh ở Phi-châu và phía Nam trận tuyến Nga tại Đông Âu. Ngày 20 tháng 6, quân Anh đương bị khốn ở Tobrobk (gần Ai-cập) còn Nga thì đương cố giữ Sibostopol trên bờ Hắc-hải.

Đây mới là những trận đầu trong cuộc tấn-công vĩ-đại mùa hạ của Đức và các nước theo về Trục.

Ta thấy rõ rằng các nước đó cố tiến đến miền Caucase và các xứ Cận Đông mà hiện nay toàn-thê vẫn còn tránh được nạn chiến-tranh.

Nếu mục-dịch cuộc tấn-công ấy đạt được thì không những Nga mất nơi sản xuất dầu hỏa cần cho cuộc kháng-chiến, mà các nước đồng-minh Anh-Nga-Mỹ còn mất một đường giao-thông với nhau nữa.

Vì thế cuộc tấn-công của Đức càng mạnh thì ta thấy Nga-Anh-Mỹ lại càng cố sức thắt chặt giây liên-lạc với nhau: ngày 26 tháng-5, Anh và Nga đã ký hợp-ước nhất-định không nước nào được tự-ý đình chiến với quân địch và hứa sau khi chiến-tranh đã xong sẽ hợp-tác để sây-đắp lại thế-giới; sang tháng 6. Molotov thay mặt Sô-viết và thủ-tướng Anh là Churchill lại lần lượt sang hội-kiến với Tổng-thống Mỹ — người ta nói là để lập một trận-tuyến thứ hai trên lục-địa châu Âu để chia bớt lực-lượng mà Đức đương tập-trung trên mặt trận phía Đông.

Từ khi thành lập, chính-phủ Nam-kinh lần lượt tổ-chức lại quân-đội, cấm các chính-phủ địa-phương không được tự ý thu thuế, lập nhà ngân-hàng trung-trong v. v. Rồi đến ngày 2 tháng bảy 1941 thì được Đức, Ý, Tây-ban-nha, Hung, Lỗ và Bảo thừa nhận.

Nhưng sự phân chia giữa chính-phủ của Ông với chính-phủ của Tưởng càng ngày càng thêm sâu xa. Vì thế một mặt ủng hộ Ông, một mặt Nhật vẫn tiếp tục đánh Trùng-khánh, và sau khi đã phong tỏa hết bờ biển nước Tàu Nhật đem quân tiến dần vào lục-địa Hoa-trung và Hoa-nam.

Việc các nước Anh-Mỹ và Nga công-nhiên giúp chính-phủ Trùng-khánh là việc đã từ lâu gây ra nhiều nỗi khó khăn giữa Nhật và các nước đó.

Nhưng Nhật-Nga thỏa thuận để giải quyết được nhiều điều sích mích: hai nước ký hợp-ước về quyền lợi đánh cá ở tây - bắc Thái-bình-dương (tháng 12 1940, định lại biên-thùy Ngoại-Mông và Mãn-chau và định sự đổi chác hàng hóa (tháng sáu 1941). Ngay sau khi Nga đã tuyên chiến với Đức (tháng sau 1941), Nhật cũng vẫn đứng trung lập, tuy rằng từ 28 tháng chín 1940, Nhật-Ý-Đức đã ký hợp-ước tương trợ về binh bị, kinh-tế và chính-rị.

Trái lại, sự giao-thiệp giữa Nhật và Anh-Mỹ, qua một thời kỳ bót gang - từ 14 tháng bảy đến 18 tháng mười 1940, Anh nhận cấm chở chiến-cụ qua Diển-diện sang Trùng-khánh, Nhật cử Đô đốc Nomura làm đặc-sứ để điều đình với Washington từ tháng mười 1940 - nhưng mỗi ngày chỉ thêm khó khăn, nhất là từ tháng sau 1940, khi tiến xuống miền Nam, tới Nam-dương quần-đảo, Nhật gặp những quyền lợi sẵn có của Mỹ phản đối không để Nam-dương ký xong hợp-ước kinh-tế với Nhật.

Ngay từ hồi ấy, ta đã thấy những đám mây đen vần ở chân trời Thái-bình-dương: tháng bảy và tháng tam 1940 Mỹ cấm xuất-cảng (sang Viễn-đông) sắt vụn và dầu dùng cho phi-cơ, quân Anh rời khỏi Thượng-hải; ngày 10 tháng mười 1940, Anh-Hoa-kỳ và Úc-đại-lợi ký hòa-ước phòng thủ chung ở Thái-bình-dương; tháng hai 1941, Nhật tuyên-bố không công-nhận một cường-quốc thứ ba can thiệp vào việc điều đình kinh-tế ở Nam-dương rồi tháng sáu năm ấy tuyệt-giao kinh-tế với Nam-dương; tháng tám Nhật đình việc giao-thông hàng-hải với Mỹ trong khi quân Úc đến tiếp viện ở I-an-gia-ba; tháng 10 Mỹ rút quân khỏi Bắc-kinh và Thiên-tân sau khi Nguyên-soái Tojo lên thay Hoàng-thân Komei làm thủ-tướng nước Nhật.

Rồi sang đầu tháng chạp năm 1941, sau khi cuộc điều-đình của hai đặc-sứ Nomura và Kurusu với ngoại-tướng Mỹ là Cordell Hull đã thất bại, Nhật đánh tan hạm-đội Mỹ ở đảo Hawai và công khai tuyên-chiến với Anh-Mỹ (ngày 7).

Rồi từ giữa tháng chạp 1941 đến đầu tháng năm 1942, thắng nhiều trận trên lục-địa và trên mặt bể, Nhật lần lượt chinh-phục các đảo Guam và Wake, Hương-cảng, bán-đảo Mã-lai và quân-cảng Tân

gia-ba, toàn thể quần-đảo Nam-dương, Phi-luật tân và lĩnh thổ Diển-diện.

Thật ra thì ngay từ ba tháng đầu năm nay, Nhật đã được coi là toàn thắng ở những nơi kể trên đây và người ta đã tự hỏi sau những trận Nam-dương, Phi-luật-tân và Diển-diện, Nhật sẽ khai-hiến về phía tây sang Ấn độ hay xuống phía Nam sang Úc-đại-lợi.

Về phía Nam thì trong hai ngày 7, 8 tháng 5 có cuộc thủy-chiến to giữa hạm-đội Nhật và hạm-đội Anh-Mỹ trên bể « San-hô » ở đông-bắc Úc-đại-lợi, và Nhật lại được trận ấy, rồi từ đấy luôn luôn có những trận ném bom sang Port-Moresby và Port-Darwin là những quân-cảng của Anh trên đảo Nouvell.-Guinée và ở tây-bắc Úc-đại-lợi.

Nhưng trong thời kỳ này hình như Nhật chú-trọng để giải-quyết cho xong cuộc chiến-tranh với chính phủ Trùng-khánh, nên sau trận thắng ở Diển-diện, để cho tả quân tiến đến biên thùy Ấn-độ, Nhật dùng hữu quân qua biên giới Diển-diện ngày 6 tháng 5 và tiến sâu vào nội-địa tỉnh Vân-nam. Đồng thời tất cả các mặt trận trên đất Trung-hoa lại thấy bắt đầu hoạt động: ở phía bắc thì Nhật thắng ở giữa ba tỉnh Hà-bắc - Hà-nam - Sơn-đông, phía nam thì tấn công ở Quảng-đông - Quảng-tây, còn ở giữa, trên địa-phận Triết-giang thì tiến từ eo biển Hàng-châu vào lục-địa.

Đông-dương giữa cơn giông-tổ của thế-giới

Là một phần tử của đế-quốc Pháp, một nước đã tham dự vào cuộc Âu-chiến, mà lại ở trên bờ biển Thái-bình, cạnh nước Trung-hoa là những nơi ngọn lửa chiến tranh đương bùng bốt, Đông-dương không tránh khỏi được ảnh hưởng của cơn giông-tổ đương làm rung chuyển cả hoàn-cầu.

Từ tháng 9 năm 1939 đến giữa năm 1940, cái ảnh hưởng đó chỉ là một ảnh hưởng gián-tiếp. Tuy có nhiều đội quân tình-nguyên và nhiều đội thợ chuyên môn hay không sang đất Pháp để giúp vào sự kháng-chiến trên trận-địa hay làm trong các nhà máy, và các trại, nhưng ấy giờ cái nhiệm vụ chính của Đông-dương là một nhiệm-vụ về kinh-tế: dân Đông-dương phải sản xuất nhiều và tiêu thụ ít để giúp mẫu-quốc có nhiều vật liệu và tiền dùng vào cuộc chiến-tranh. Tháng hai 1940 có việc phi cơ Nhật ném bom vào đường xe hỏa Vân-nam (trên địa phận Tàu), nhưng việc đó hai chính-phủ Paris và Tokyo lại điều đình yên ngay.

Từ tháng 6 năm 1940 mới có những việc về chính-trị và binh bị quan trọng xảy ra trên đất Đông-dương: ngày 21 tháng ấy, theo nhời yêu cầu của Nhật, Pháp hoãn việc chở khi-cụ qua Đông-dương sang Tàu, và sang đầu tháng bảy hai chính-phủ thỏa-thuận đặt các nhà quan sát quân-sự Nhật để kiểm-soát sự vận tải chiến-cụ ở Hanoi và ở nhiều tỉnh Bắc-kỳ.

Mấy tháng sau, sự hợp-tác lại tiến thêm một bậc nữa: Nhật công nhận chủ quyền Pháp tại Đông-dương và Pháp công nhận Nhật có một địa vị bình bị và chỉ trị tối trọng ở Viễn-đông, rồi ngày 24 tháng chín 1940, hai bên ký hợp-ước đề quân đội Nhật dùng mấy trường bay ở Bắc-kỳ và đông quân ở vài nơi trong xứ đó.

Ngày 25 tháng 9, do một sự hiểu nhầm, quân Nhật ở Quảng-tây tiến sang Đồng-đăng và gặp quân Pháp-Nam ở đấy. Nhưng ba hôm sau, việc lời thôi đó dần sắp được yên và ngày 26 tháng chín quân Nhật đổ bộ vào bến Hải-phong theo như điều ước đã định, rồi 16 tháng 10 thì giao giả Lạng-son cho nhà cầm quyền Đông-dương.

Từ đấy giây liên lạc giữa Đông-dương và Nhật mỗi ngày chỉ thêm chặt chẽ: ngày 16 tháng mười một 1940, phái bộ kinh-tế Pháp do hai ông Robin và Cousin đứng đầu sang Tokyo, sau sáu tháng điều đình tới ngày 7 tháng năm 1941 thì ký hai bản hợp-ước về thương-chính hằng hải và kiều-dân. Theo những bản hợp-ước ấy, thì hàng năm Đông-dương bán cho Nhật một số nhất định gạo, cao su, than v. v. còn Nhật thì bán lại cho Đông-dương các tạo-phẩm, người mỗi xứ có quyền lập-nghiệp ở xứ kia còn về sự giao dịch thì xứ nọ đối với xứ kia bao giờ cũng được hưởng điều khoản tối-hậu-quốc (clause de la nation la plus favorisée) (1).

Những bản hợp-ước tháng năm 1941 bắt đầu thì hành từ tháng 8 năm ấy và làm cho Nhật giữ địa vị quan trọng nhất trong việc buôn bán đối ngoại của Đông-dương; không những thế, từ đấy tư bản Nhật cũng bắt đầu sang hợp tác với tư-bản Pháp để khai khẩn xứ ta.

Sáng tháng 5 năm 1942 thì hợp ước kinh-tế đó lại thì hành rộng thêm cho mấy thứ nguyên liệu và hóa phẩm mà trước kia hai bên chưa quyết định.

Về phương diện chính-trị và binh bị, thì phái-bộ quân-sự Nhật đặt ở Đông-dương từ tháng sáu 1940 (do tướng Nishiara rồi tự tháng mười 1940 do tướng Sumita đứng đầu) đến tháng mười một 1941 bỏ đi để nhường bước cho phái bộ mới do đại sứ Yoshizawa đứng đầu: phái-bộ này đặt ở Hanoi và Saigon, nhưng ở các tỉnh to khác ở Đông-dương cũng dần dần mở tòa lãnh-sự Nhật.

Trước khi đại-sứ Yoshizawa sang, thì chính-phủ Pháp đã ưng thuận đề Nhật đóng giữ mấy căn cứ quân-sự ở Đông-dương (25 tháng bảy 1941), và từ đầu tháng tám quân Nhật đã đến Saigon, Nam-vang và vào vịnh Cẩm-lanh.

Từ tháng chạp 1941, sau khi đã bắt đầu cuộc chiến tranh Nhật-Anh-Mỹ, đại sứ Yoshizawa lại tuyên bố Nhật vẫn tôn trọng chủ quyền ở Đông-dương trong khi chánh-phủ Pháp tuyên bố đứng trung lập trong cuộc chiến tranh Thái-bình dương.

Nhưng đề phòng thủ xứ Đông dương. Pháp-Nhật ký hêm hợp ước tương trợ binh bị ngày 9 tháng chạp 1941.

Ngoài việc giao thiệp với Nhật-bản, từ đũa năm 1940, Đông-dương còn có những việc quan trọng xảy ra ở biên thù phía Tây.

Tháng 6 năm 1940, Anh-Pháp và Thái-lan ký hợp ước bất xâm phạm, nhưng sang đầu tháng 9 năm ấy, khi duyệt y bản hợp ước ấy thì Thái-lan lại đòi thêm những miền ở phía tây sông Cửu-long-giang và vài nơi ở Cao-mên.

Việc lời thôi ấy kéo dài trong mấy tháng, rồi từ đũa tháng 10 thì tình thế thành nghiêm trọng. Sang tháng giêng 1941 Thái lan bản phá các tỉnh Vientiane, Savannakhet, Thakhek ở Lào và Monkoborey, Sisophon và nhiều tỉnh khác ở Cao-mên, còn thủy quân Đông-dương thì đánh đắm hai chiến hạm Thái ở vịnh Koh-Chang ở phía tây nam Cao-mên.

Nhưng ngày 28 tháng giêng 1941, Nhật đứng làm trung gian nên Đông-dương và Thái lan tạm đình chiến và tới ngày 10 tháng năm 1941 thì phái bộ hai bên ký hòa ước tại Đông-kinh: tuy không công nhận là mất hẳn chủ quyền, nhưng muốn giúp vào nền hòa bình ở Viễn-đông, Pháp nhượng cho Thái-lan mấy miền ở Lào và ở Cao-mên.

Sau những việc khó khăn với Thái-lan và Nhật-bản kể trên đây, mà các nhà đương cục Đông-dương đã khéo giải quyết một cách hòa bình, xu này vẫn tránh được nạn chiến tranh trên nội địa là cái nạn mà hiện nay ít nơi trên thế giới tránh được.

Nhưng từ tháng chạp 1941 không thông thương được với Pháp, và đứng trước những sự thay đổi lớn lao về binh bị, Đông dương phải gia sức đề ứng hợp với tình thế về chính trị cũng như về kinh tế.

Thật ra thì cuộc sống hàng ngày của dân Đông-dương chưa đến nỗi bị lung lạc như ở các nơi trực tiếp chịu chiến tranh, nhưng ta cũng đương qua một quãng khó khăn và quan trọng trong lịch sử xứ này.

Trong quãng đường khó khăn ấy điều làm cho ta tin cậy về tương lai nhất là sự dữ bỏ cái quan niệm cá-nhân, ích-kỷ, khoái-lạc về cuộc đời, ta đã trực cảm thấy nỗi khó khăn đương qua, cái nhiệm vụ phải làm, và sự cần thiết của hy-sinh và phụng-sự.

Nhờ sự thay đổi về tinh thần ấy, ta đã tìm thấy nhưng tư-tưởng căn bản của nòi giống ta và ta cũng đã gặp những nguyên tắc cuộc quốc gia cách mệnh do thống chế Pétain đương đề sường ở Pháp.

Nhưng sự cải cách về nội chính và về tinh thần là những vấn-đề ra ngoài phạm vi bài này.

Viết ngày 21 tháng sáu 1942

TÂN-PHONG

(1) Xem Thanh-Nghị số tháng bảy 1941.

CÓ THỀ CÓ MỘT NỀN

GẦN đây ta thấy xuất sản rất nhiều những bản đàn Tây in một cách trịnh trọng và mang những đầu đề đầy thi vị: công trình sáng tác của những « nhạc-công » trẻ tuổi, không do một trường nào huấn-luyện và sớm muốn thành vĩ-nhân. Họ còn diễn thuyết bàn luận về âm-nhạc, biểu-diễn đề phô trương tài nghệ.

Nhân nói đến sự can đảm của bọn « kỳ tài » này với một ông bạn nhạc-sĩ, ông Nguyễn-xuân-Khoát, xuất thân ở trường Cao-đẳng Âm-nhạc Đông-dương (1) ngay lớp đầu tiên cùng với các ông Diệp, Thông-Duyệt, Tinh, Quý v. v... và đã bao năm lộn trong nghề với cây đàn contrebasse (2), tôi có phần nản rằng sao ông và các bạn ông không hề cho công chúng được thưởng thức những bản nhạc mà các ông đã soạn: hẳn các ông không thể chối đã đi tới bậc cao quý của nghệ-thuật là sáng tác.

— « Nói cho đúng—ông giả nhời—tôi có được hưởng những giây phút sung sướng nhưng cũng khó nhọc và bản khoăn khi tìm một nhạc điệu để diễn tả một cảm giác của tâm hồn. Trong công việc đó, tất nhiên phải tránh hết sức cái lối mà trong văn thơ ta gọi là « lối lột vắn » (plagiat) nghĩa là định ý hay bắt giác lấy của người này một đoạn, của người kia một câu, thay đổi đôi chút, chắp nối thành một bài đọc lên nghe cũng có vẻ « kêu » lắm, nhưng không thể che được mắt người thức-giả. Song mới thoát được cái giai-cấp sơ-dãng của nghệ thuật đó, sao đã thành ngay « một nhà đặt nhạc khúc ! »

— Vì thế anh rất ẽ dè trong việc công bố những bài của mình, dù chỉ ở trong một tập báo hay một tập sách của các bạn.

— Còn việc biểu diễn những bản đàn của mình trước công chúng thì thật chưa bao giờ nghĩ tới !

(1) Trường này lập năm 1927 và bị bãi năm 1930.

(2) Ông cộng-tác với các ban âm-nhạc nhà nghề ngoại-quốc (Pháp, Nga, Phi-luật-tân...)

— Phải ! Đòi nay thì nhạc-sĩ tìm đâu được...
— Chớ có đổ oan cho tôi cái kiêu hãnh (nếu thực đó là một sự kiêu hãnh) của cô nhân đập đàn đi vì không còn người nghe mình nữa !...

Tôi tin rằng không khi nào, tôi là một người Việt-nam — nếu ngoài việc diễn tấu (interpréter) những vở đàn có sẵn (đó đã là một phần khó khăn của nghệ thuật), còn có hoài vọng sáng tác, — lại có thể đạt tới cái « Đẹp » của âm-nhạc Tây-phương và soạn được một khúc nhạc có giá trị để góp vào cái kho tàng âm thanh của thế-giới ».

Ông quả quyết rằng người Việt-nam, có một tâm hồn Việt-nam, với một di sản tinh-thần lữ thể hoàn toàn Việt-nam sống trong những tập quán và hoàn cảnh khác hẳn với tập quán và hoàn cảnh Âu-Mỹ, không thể thành một nhạc-sĩ có tài sáng tác trong nghệ-thuật Tây-phương được. Về âm-nhạc, cũng như trong các địa hạt khác, ta chỉ có thể sáng tác (sáng tác chứ không phải bắt trước một cách ngớ ngẩn hay khôn ngoan) nếu ta vẫn giữ được nguyên vẹn bản chất của ta.

— « Vậy theo ý anh (tôi hỏi) những nhạc-sĩ giỏi âm-nhạc Tây như anh chỉ nên dùng cái sở kiến về âm-nhạc và áp dụng phương pháp của kỹ-thuật Tây-phương để soạn những bài có tính-cách Việt-nam? Như thế, có lẽ một ngày kia, nước Việt-nam mình sẽ có một nền âm-nhạc mới, thích hợp với những nhu-cần mới của tâm-hồn mà vẫn giữ được tinh-thần cố-hữu.

— Có hay không, tôi không dám quả quyết. Song có điều chắc chắn là, nếu có, quyết không do ở tài sáng-tác của các nhạc-sĩ chỉ luyện theo nền âm-nhạc Tây-phương mà lại dụng tâm làm những bản đàn có tinh-thần Việt-nam. Có phải chuyện muốn là đạt được đâu ! Chỉ có thể soạn được những vở đàn thuần-túy Việt-nam, — và tự-nhiên là như thế — khi nhạc-sĩ « cảm » chân thực và mạnh, những âm-thanh, những nhạc điệu Việt-nam

NU'ỚC VIỆT-NAM ÂM-NHẠC ĐƯỢC KHÔNG ?

V. H.

Muốn vậy, thính-giác của nhạc-sĩ đã phải huấn-luyện lâu năm trong nền âm-nhạc cổ của ta. Nghĩa là phải học. Thật là một sự vô cùng khó khăn. Không có trường, không có sách. Những người đàn giỏi hát hay rất hiếm. Những bản nhạc, những bài hát, không được ghi chép, bị thất lạc nhiều hoặc sai hẳn nguyên văn. Những công-trình khảo-cứu của người trước không có một chút gì... »

Đến đây, tôi nghĩ đến những cố gắng kỳ khu của ông mà tôi đã được trông thấy trong việc tìm tòi những tài-liệu và tự huấn-luyện về các lối đàn hát cổ của ta. Ông đã đi từ làng này sang làng khác trong vùng Hưng-yên để nghe và học các giọng hát chèo; tìm được một ông cụ già rất giỏi trong khoa đó, ông mang lên Hanoi cùng ở với ông và được ông cung cấp đề ngày ngày giúp ông trong công việc khảo cứu. Đã năm năm nay, ông lục lọi về âm-nhạc lối hát ả đào. Có lần ông đã đứng chủ trương một... nhà hát, chiêu mộ những đào, kép, cùng những tay chầu cự-phách..

— « Có như vậy (bạn Ng-x-Khoát vừa nói vừa cười), có sống ở trong hoàn cảnh đặc biệt « ả đào » ấy, mới học được những khúc tài-tình anh ạ. Còn cứ đi nghe hát chốc lát vẫn là cái lối học « tài-tử ! » Tôi bị lỗ vốn về việc đó tới dăm trăm bạc, nhưng sung sướng vì đã « cảm » thấy cái hay của khoa « âm-nhạc ả đào ».

— Chắc anh quả quyết rằng nước ta vẫn sẵn có một nền âm-nhạc ?

— Hẳn thế. Mà rất phong-phú. Nhưng không có thống-hệ, không có phương-pháp khoa-học như âm-nhạc Tây-phương, vì thế không tiến hóa và có thể tiêu-diệt được. Nhưng không phải là không hay. Anh đã nghe âm-nhạc Tây nhiều và hẳn có khi đã mê một điệu hát vì nó đã làm thỏa mãn những tinh-cảm « mới » của anh, xin anh thử về nhà quê ở vùng nào đã có tiếng sẵn như vùng Bắc-ninh, nghe một giọng hát trống-quân hay hát quan-họ, ròn rã trong ánh giăng đèn rằm tháng tám

anh sẽ thấy rung động ở người anh một thứ gì quen quen và thiết tha...

— Sự truyền lan của hôn nước !... Xem ra anh hẳn hái trong công việc khảo-cứu này lắm. Nhưng sự học tập đàn Tây có giúp ích gì cho anh trong công việc tìm tòi về đàn ta không ?

— Có chứ. Cái kỹ-thuật của âm-nhạc Tây-phương rất tinh-vi và xác thực. Dùng nó không phải để sáng-tác nhưng để khảo sát âm-nhạc ta và ghi chép những tài-liệu thì là một sự rất cần. Tôi lấy thí dụ « lối nhấn » trong cây đàn tranh; đó là cái tài riêng của từng nhạc-công để nảy những tiếng uyển chuyển theo nguồn tâm tư của mình và tô điểm tiếng hát của đào-nương. « Lối nhấn » là một cái rất khó học. Mà nhạc-công cũng không dạy mình vì không có cách nào để dạy cả. Chỉ có thể nghe mãi cho quen tai rồi một ngày kia — không biết ngày nào — sẽ học được « khéo » đó. Nhưng bằng cách phân tách của khoa âm-nhạc Tây, tôi đã học được rất chóng nhiều « lối nhấn » tài tình và lại còn ghi chép được cho người khác trông thấy mà tập nữa.

— Tốn nhiều công tìm tòi và học tập về âm-nhạc ta, anh đã sáng tác được vở đàn nào thuần túy Việt-nam chưa ?

— Công việc chính hiện tôi đang theo đuổi là khảo-cứu chỉnh-lý và ghi chép (1) trước để rèn luyện thính-giác trong các điệu đàn hát của ta. Sau để giữ lại một phần cái gia sản âm-nhạc

(1) Ông hiện bắt đầu xuất-bản bộ Việt-nam nhạc phổ, bản đàn đã in rồi là bản « Quyết chí tu thân ». điệu hát cách trong loại hát chèo. Giá 0\$40.

Ngoài bộ Việt-nam nhạc-phổ, ông còn mở thêm một lớp dạy kỹ-âm-pháp cùng các lối đàn hát và trống Việt-nam, học phí mỗi tháng từ 1\$00 đến 5\$00. Mong sẽ nhiều bạn hưởng ứng với bạn Nguyễn-xuân-Khoát trong công việc có nghĩa lý và đáng nên khuyến khích này. Viêt thư đề tên ông, 48 Richaud Hanol.

của ông cha trong phạm-vi tài-lực của mình còn về việc sáng-tác, cũng có, nhưng toàn là những bản làm thử. Những bài đó (1) có tính cách Việt-nam không? Tôi không dám chắc. Song có điều thực là khi soạn, tôi không hề nghĩ đến và gò gẫm cho nó một tinh-thần Việt-nam. Tôi chỉ theo cảm hứng chân thực của mình. Một điều nữa, khi đọc vở lại, tôi nhận thấy nó có tính cách khác những bài mà ngày xưa tôi làm. Còn tâm-hồn tôi đã được thấm nhuần những âm-điệu đất nước chưa, đề cái « tính-cách khác » kia là phản ảnh của tinh-thần âm-nhạc Việt-nam : đó là một điều làm tôi thương rất bản khoăn ! »

Đề kết luận bài này, tôi công nhận với nhạc-sĩ Nguyễn-xuân-Khoát rằng nước ta xưa kia có một nền âm-nhạc trái hẳn với hội-họa mà họa-sĩ Tô-ngọc-Vân (trong T. N. số tết Nhâm-Ngo) đã thấy gần như không có trong nền mỹ-thuật Việt-nam. Nhưng nền âm-nhạc thuần-túy Việt-nam kia, vì thiếu phương-pháp tô-chức, nên không tiến hóa rồi sai lạc thất

truyền và tiêu-diệt dần. Tôi rất khen ngợi bạn Nguyễn-xuân-Khoát đã có chí và có gan khảo-xát và tìm tòi trong một địa hạt tuy rất quan hệ cho nền văn-minh nước nhà nhưng hầu bị bỏ hoang và trong đó chỉ thấy chơ trội có một mình bạn. Tôi hỏi ông sao không họp một nhóm đồng-chí. Ông lắc đầu giả nhời rằng đã thử nhưng vô hiệu : Có người không bao giờ nghĩ tới việc đó, có người chán ngán vì thấy không làm nổi. « Nếu như thế thì tôi rất hoài nghi rằng nước Việt-nam có thể có một nền âm-nhạc được ! » Đó là nhời cuối cùng tôi nói với ông bạn Nguyễn-xuân-Khoát. Ông yên lặng không giả nhời mắt dăm dăm nhìn cây đàn tranh treo trên vách.

V. H.

(1) Tôi được biết ông đã soạn ba khúc nhạc theo khuyh hướng này là « Mẫu thời gian, Tiếng trúc tuyệt vời và Trống Tràng-thành » cảm hứng do một bài thơ của Đoàn-phú-Tứ một bài thơ của Thê-Lữ và câu đầu trong khúc « Chinh-phụ-ngâm ».

HÀN-THUYỀN

NHÀ XUẤT - BẢN ĐƯỢC CÁC
BẠN THANH NIÊN VÀ CÁC BẬC
THỨC GIẢ HOAN NGHÊNH VÀ
CHỦ-Ý ĐẾN NHẤT, HIỆN-THỜI.

MỚI PHÁT-HÀNH

Một cuốn sách tư-tưởng rất táo-bạo
của P. N. KHUÊ

NGHỊ - LỰC

Dày hơn 200 trang — Giá 1\$00

Một cuốn tiểu-thuyết nói về
đời sống của học-trò nho ngày xưa :
của CHU THIÊN

BÚT - NGHIÊN

Dày 400 tr. — Bìa của N. Huyền — Giá 2\$00

Mua một cuốn, xin gửi tiền về trước, kèm thêm
0\$60 bưu - phí. Mandat, đề M. Le Directeur :
Hàn-Thuyền xuất bản cục, 71, Tien Tsin, Hanoi.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con,
các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng
các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện
thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THUY AN
Journal Đàn Bà
76, Wiélé — Hanoi

Thống-ehê Pétain đã nói :

Bản-chức hết lòng trông cậy các
người giúp Chánh-phủ dựng lại nước
Pháp làm cho người Pháp thành
một dân tộc lớn, trung nghĩa và
lương thiện.

NHÀ XUẤT BẢN "MỚI"

DƯỚI QUYỀN GIÁM-ĐỐC CỦA LÊ VĂN DỰ

57, Phúc Kiến — HANOI

một nhà xuất bản đứng đắn, vừa ra đời đã được
sự tin cậy của tất cả bạn đọc ở khắp bốn phương

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG PHÁP TẠI CÁC HIỆU SÁCH LỚN

HAI TÁC-PHẨM NGHIỆP-THIUẬT

Kinh cầu tu'

tập văn xuôi đầu tiên của thi-sĩ

HUY CẬN

còn 5 bản Lụa Dó, giá mỗi bản : 3p.50

còn 3 bản Vergé bambou

Giá mỗi bản : 4p.50

Bản thường giá : 0p.85

Tiêu nhiên mì co'

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

theo Le roman de Tristan et Iseut

*câu chuyện tình hay nhất
thế-giới của các thời đại*

Giá : 1p 25

SẮP CÓ BÁN :

HAI TÁC-PHẨM NHỮNG CẢNH ĐỜI

Làm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

TÁC - GIẢ **HÀ-NỘI LÂM THAN**

những sự thực náo nùng mà tác-giả đã

nhìn, đã viết ra với một tâm hồn nghệ sĩ

Kèm thêm một trang tự tích của tác-giả

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIÊU LINH

*Nhìn vào cuộc đời, vào cái xã-hội mình
đương sống, tôi nghiệm ra rằng mỗi người là
một ý tưởng, mỗi người gọi cho tôi một ý
tưởng.*

*Đề thực hành điều nhận xét đó, những nhân
vật trong tiểu thuyết tôi chỉ là do từng ý tưởng
mà có* (Rút trong bài Tựa)

*Một thể tiểu thuyết rất mới, chưa từng có từ
trước đến nay.*

THÁNG THỨ BA :

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận của Lãng Nhân

PHÙNG TẮT ĐẮC

TÁC GIẢ **TRƯỚC ĐÈN**

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tiên của

TÓ HOÀI

CHÚ Ý : Những sách sắp ra, đại-lý lấy bao nhiêu xin cho biết trước ngay khi chưa in.

TUẦN LỄ TRIỂN-LÃM

Báo, Sách

VÀ ẢNH CÁC VĂN NHÂN THI NHÂN VIỆT-NAM



TẠI NHÀ SÁCH NG-KHÁNH-ĐÀM 12, PHỐ SABOURAIN-SAIGON

TỪ 11 JUILLET ĐẾN 18 JUILLET 1942



- Những tờ báo tiên-phong in bằng quốc-văn ở xứ mình,
- Những Sách, Báo, Tạp-chí xưa và nay,
- Những Sách, Báo xưa rất quý mà hiện nay tìm không thể có,
- Những loại sách đẹp, in bằng giấy đặc biệt không có bán,



**MỘT TUẦN LỄ TRIỂN LÃM CÓ TÍNH CÁCH BIỂU
DIỄN TRÌNH-ĐỘ VĂN-CHƯƠNG VÀ BÁO-CHÍ**



Một công trình gom góp trong nhiều năm. Bày trong một tuần lễ.
Sẽ làm vừa lòng các bạn yêu văn-chương mãi mãi.



Từ 11 đến 12 Juillet: đề riêng cho các nhà báo, nhà văn.
Từ 13 đến 18 Juillet: cho các bạn yêu Sách, Báo.

Nên mua Sách, Báo ở chi nhánh của nhà sách N. K. Đ. « Quán Sách Autobus »
góc đường Espagne và Shroeder.